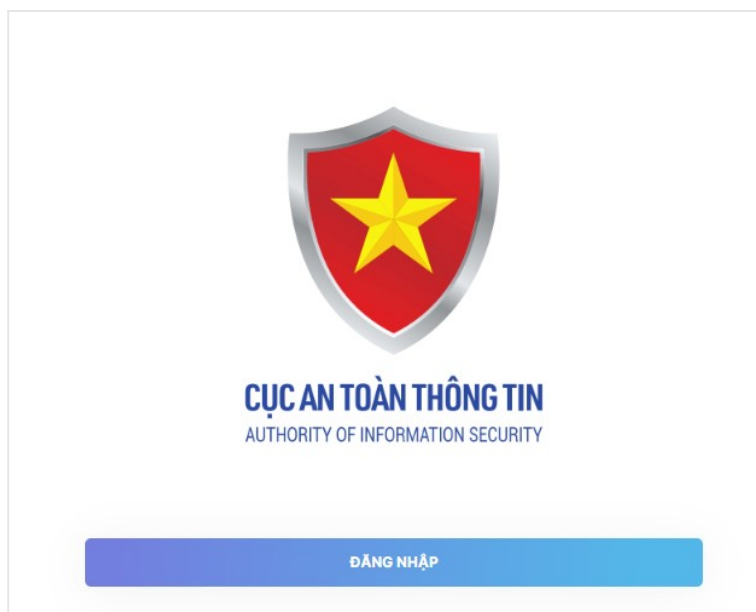


**Phụ lục 5**  
**HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG NỀN TẢNG HỖ TRỢ QUẢN LÝ**  
**BẢO ĐẢM AN TOÀN HỆ THỐNG THÔNG TIN THEO CẤP ĐỘ**

**1. Hướng dẫn đăng ký, kết nối Nền tảng**

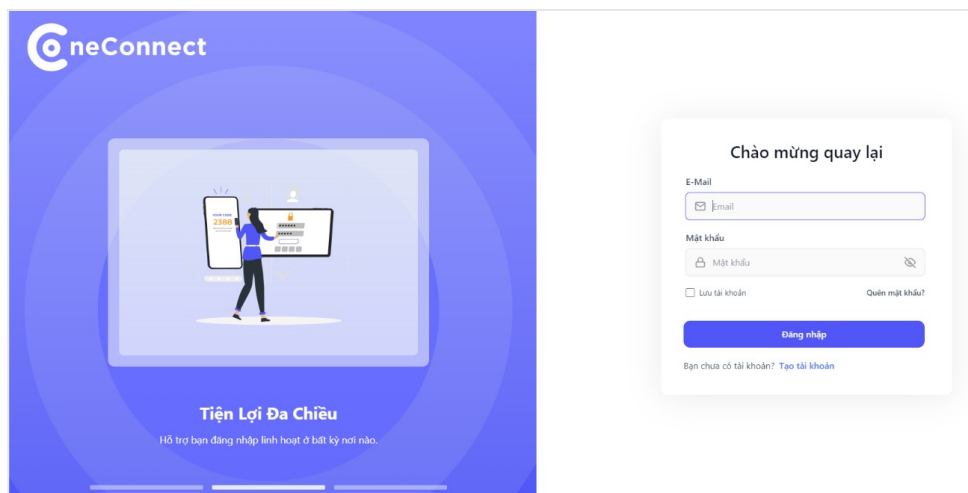
**Bước 1:** Người dùng đăng nhập hệ thống qua đường dẫn <https://capdo.ais.gov.vn/>. Chọn nút “Đăng nhập” ở góc trên bên phải màn hình.



*Hình 1: Màn đăng nhập hệ thống*

Sau đó, nhấn vào nút “Đăng nhập”

**Bước 2:** Người dùng đăng nhập hệ thống bằng tài khoản oneconnect đã đăng ký và được cấp.



*Hình 2: Màn kết nối Oneconnect*

- **“Email”**: Nhập tên email đã đăng ký

- “**Mật khẩu**”: Nhập mật khẩu

**Bước 3:** Nhấn nút **ĐĂNG NHẬP** để đăng nhập vào hệ thống qua tài khoản OneConnect

**Bước 4:** Nhập mã OTP trên ứng dụng One Connect trên điện thoại thông minh

Hình 3: Màn nhập mã OTP

Sau đó nhấn “Đăng nhập” là đã có thể vào sử dụng tài khoản đã được đăng ký.

## 2. Hướng dẫn sử dụng nền tảng

### 2.1. Đối với tài khoản Đơn vị chủ quản

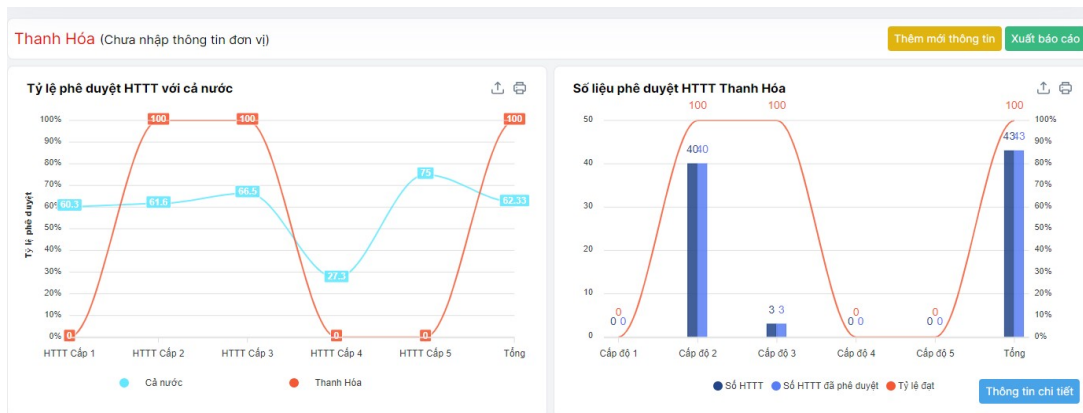
#### a) Chức năng Thống kê

**Mục đích:** Để người dùng có thể nắm bắt được thông tin số liệu, tỷ lệ phê duyệt HTTT qua những biểu đồ thống kê.

#### **Thao tác:**

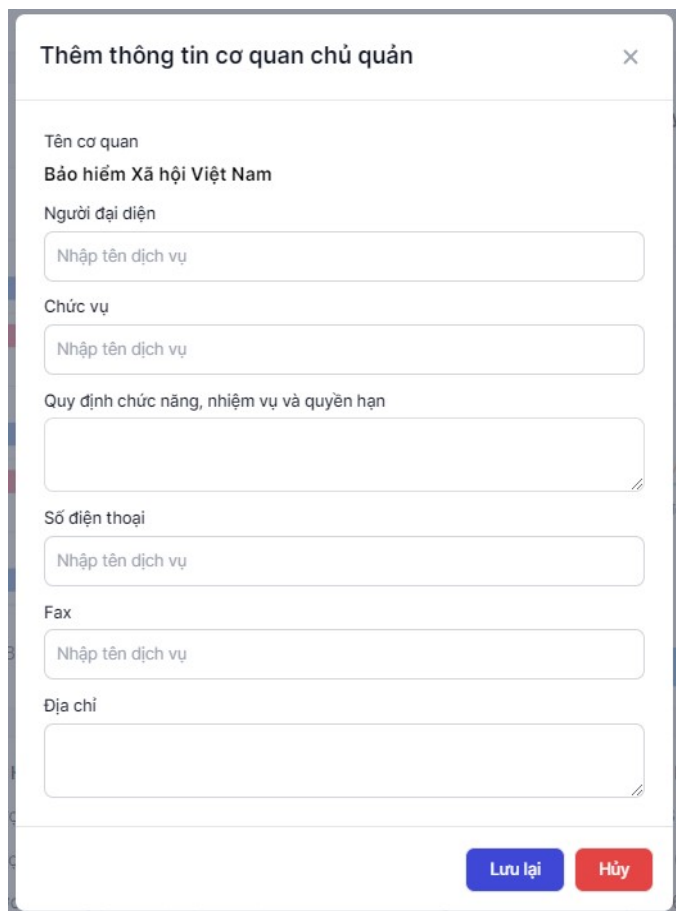
**Bước 1:** Từ menu trái chọn **Dashboard** để chuyển đến màn “**Biểu đồ thống kê HTTT**”

**Bước 2:** Màn “**Biểu đồ thống kê HTTT**” hiển thị thống kê tỷ lệ phê duyệt, số liệu phê duyệt HTTT với cả nước



Hình 4: Màn biểu đồ thống kê số liệu HTTT

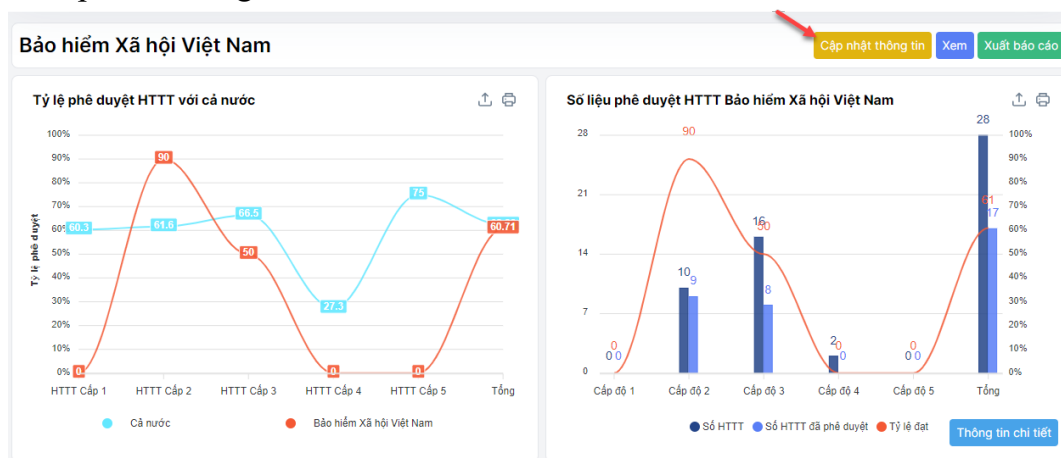
**Bước 3:** Có thể Thêm thông tin cơ quan chủ quản



Hình 5: Màn nhập thông tin đơn vị chủ quản

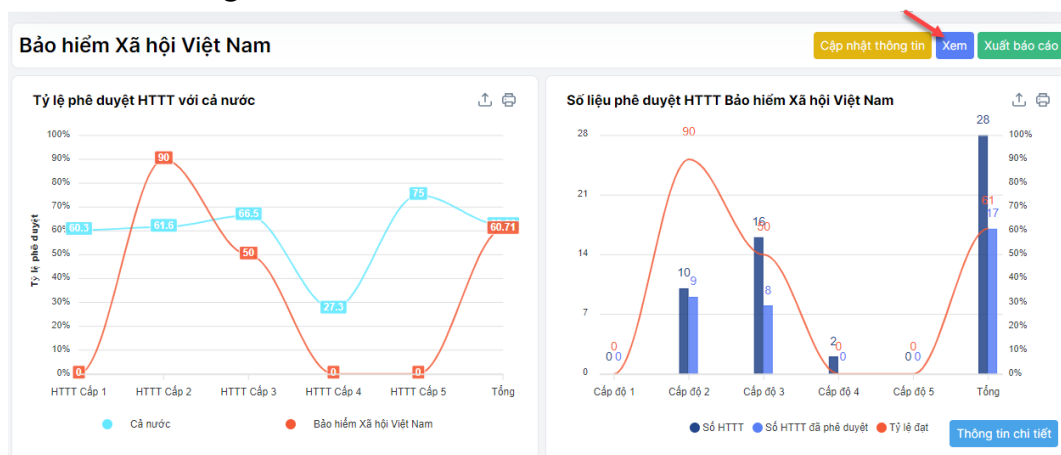
Điền thông tin đầy đủ xong chọn lưu lại để lưu thông tin vừa nhập

**Bước 4:** Sau khi nhập xong thông tin người dùng có thể cập nhật bằng cách chọn: “Cập nhật thông tin”



Hình 6: Màn biểu đồ thống kê số liệu HTTT

Hoặc xem thông tin



Hình 7: Màn biểu đồ thống kê số liệu HTTT

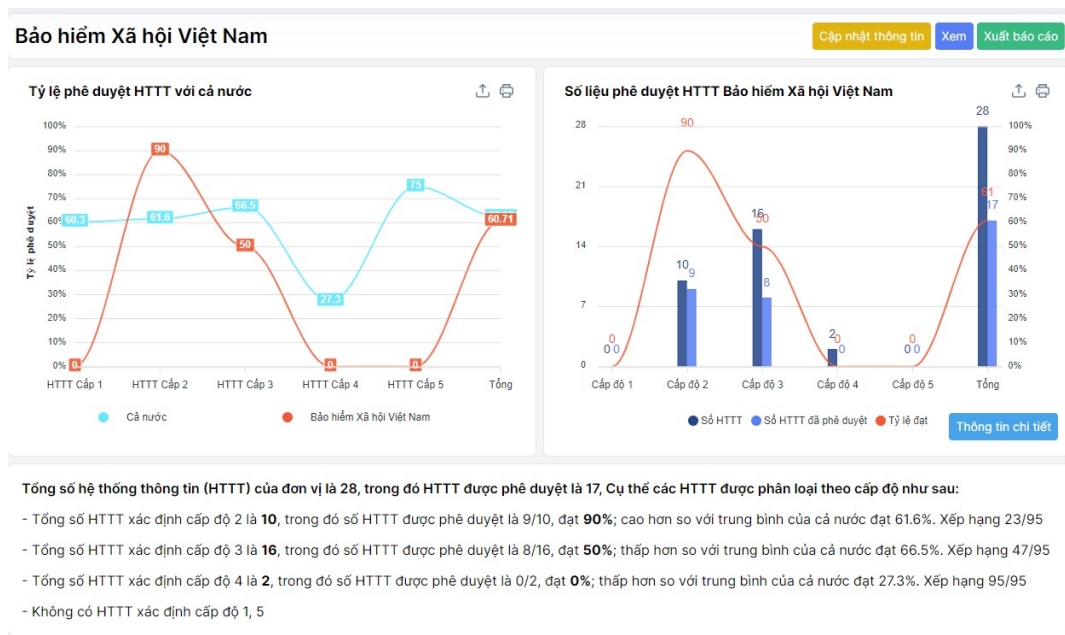
Người dùng cũng có thể xuất thông tin bằng cách

Xuất báo cáo



Hình 8: Màn biểu đồ thống kê số liệu HTTT

**Bước 5:** Chọn **Thông tin chi tiết** thông tin chi tiết số liệu phê duyệt HTTT sẽ được hiển thị đầy đủ bên dưới



Hình 9: Màn biểu đồ thống kê số liệu HTTT

## b) Chức năng Báo cáo, thống kê

Chức năng cho phép người dùng tạo mới, gửi và quản lý danh sách các số liệu hệ thống thông tin đã thống kê

### Báo cáo số liệu

**Mục đích:** Hiện thị thống kê số lượng HTTT trong đơn vị, tình trạng báo cáo theo các kỳ của đơn vị. Người dùng các đơn vị có thể gửi báo cáo số liệu HTTT lên cục ATTT phụ trách

### Thao tác:

**Bước 1:** Từ menu trái chọn Báo cáo để chuyển đến màn “Báo cáo số liệu hệ thống thông tin”

**Bước 2:** Màn “**Báo cáo số liệu hệ thống thông tin**” hiện thị thống kê số liệu HTTT trong đơn vị danh sách HTTT trong đơn vị.

| Báo cáo   |                             | Thống kê                    |                             |                             |                             |                             |                             |                             |                             |                             |                    | Không có thay đổi |              |
|---|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|--------------------|-------------------|--------------|
| Thống kê số lượng hệ thống thông tin trong đơn vị         |                             |                             |                             |                             |                             |                             |                             |                             |                             |                             |                    |                   |              |
| Kỳ báo cáo  | Hệ thống thông tin cấp độ 1 |                             | Hệ thống thông tin cấp độ 2 |                             | Hệ thống thông tin cấp độ 3 |                             | Hệ thống thông tin cấp độ 4 |                             | Hệ thống thông tin cấp độ 5 |                             | Tình trạng báo cáo | Thời gian báo cáo |              |
|   | Tổng số                     | Đã duyệt                    | Tổng số                     | Đã duyệt                    | Tổng số                     | Đã duyệt                    | Tổng số                     | Đã duyệt                    | Tổng số                     | Đã duyệt                    |                    |                   |              |
| 03/2024   | 0                           | 0                           | 8                           | 8                           | 5                           | 2                           | 1                           | 0                           | 2                           | 2                           | Chưa báo cáo       |                   |              |
| <a href="#">Cập nhật báo cáo</a>                          |                             |                             |                             |                             |                             |                             |                             |                             |                             |                             |                    |                   |              |
| Thống kê số lượng hệ thống thông tin theo đơn vị vận hành |                             |                             |                             |                             |                             |                             |                             |                             |                             |                             |                    | 03-2024           | Chưa báo cáo |
| STT   | Đơn vị vận hành             | Hệ thống thông tin cấp độ 1 |                             | Hệ thống thông tin cấp độ 2 |                             | Hệ thống thông tin cấp độ 3 |                             | Hệ thống thông tin cấp độ 4 |                             | Hệ thống thông tin cấp độ 5 |                    | Trạng thái        | Thao tác     |
|   |                             | Tổng số                     | Đã duyệt                    | Tổng số                     | Đã duyệt                    | Tổng số                     | Đã duyệt                    | Tổng số                     | Đã duyệt                    | Tổng số                     | Đã duyệt           |                   |              |
| 1   | Vụ Bưu chính                | 0                           | 0                           | 0                           | 0                           | 0                           | 0                           | 0                           | 0                           | 0                           | 0                  | Chưa báo cáo      | Nhắc         |
| 2   | Vụ Khoa học và Công nghệ    | 0                           | 0                           | 0                           | 0                           | 0                           | 0                           | 0                           | 0                           | 0                           | 0                  | Chưa báo cáo      | Nhắc         |
| 3   | Vụ Kế hoạch – Tài chính     | 0                           | 0                           | 0                           | 0                           | 0                           | 0                           | 0                           | 0                           | 0                           | 0                  | Chưa báo cáo      | Nhắc         |
| 4   | Vụ Kinh tế số và Xã hội số  | 0                           | 0                           | 0                           | 0                           | 0                           | 0                           | 0                           | 0                           | 0                           | 0                  | Chưa báo cáo      | Nhắc         |
| 5   | Vụ Hợp tác quốc tế          | 0                           | 0                           | 0                           | 0                           | 0                           | 0                           | 0                           | 0                           | 0                           | 0                  | Chưa báo cáo      | Nhắc         |

Hình 10: Màn thống kê số liệu HTTT và danh sách HTTT trong đơn vị

**Bước 3:** Chọn [Cập nhật báo cáo](#) để gửi số liệu báo cáo lên đơn vị phụ trách(Cục ATTT)

**Bước 4:** Nếu kỳ báo cáo không có thay đổi so với kỳ trước, chọn [Không có thay đổi](#) để gửi báo

cáo. Số liệu được tính tự động theo danh sách HTTT của đơn vị. Chọn [Gửi báo cáo](#) để gửi số liệu báo cáo lên đơn vị phụ trách(Cục ATTT)

**Báo cáo số lượng hệ thống thông tin trong đơn vị**
×

Kỳ báo cáo

05-2023
📅

|  |   |
|--|---|
| Số hệ thống cấp 1 đã duyệt                         | Tổng số hệ thống cấp 1                              |
| <input style="width: 90%;" type="text" value="0"/> | <input style="width: 90%;" type="text" value="0"/>  |
| Số hệ thống cấp 2 đã duyệt                         | Tổng số hệ thống cấp 2                              |
| <input style="width: 90%;" type="text" value="9"/> | <input style="width: 90%;" type="text" value="10"/> |
| Số hệ thống cấp 3 đã duyệt                         | Tổng số hệ thống cấp 3                              |
| <input style="width: 90%;" type="text" value="7"/> | <input style="width: 90%;" type="text" value="15"/> |
| Số hệ thống cấp 4 đã duyệt                         | Tổng số hệ thống cấp 4                              |
| <input style="width: 90%;" type="text" value="2"/> | <input style="width: 90%;" type="text" value="2"/>  |
| Số hệ thống cấp 5 đã duyệt                         | Tổng số hệ thống cấp 5                              |
| <input style="width: 90%;" type="text" value="0"/> | <input style="width: 90%;" type="text" value="0"/>  |

Gửi báo cáo
Đóng

Hình 11: Màn hình họa báo cáo không có thay đổi

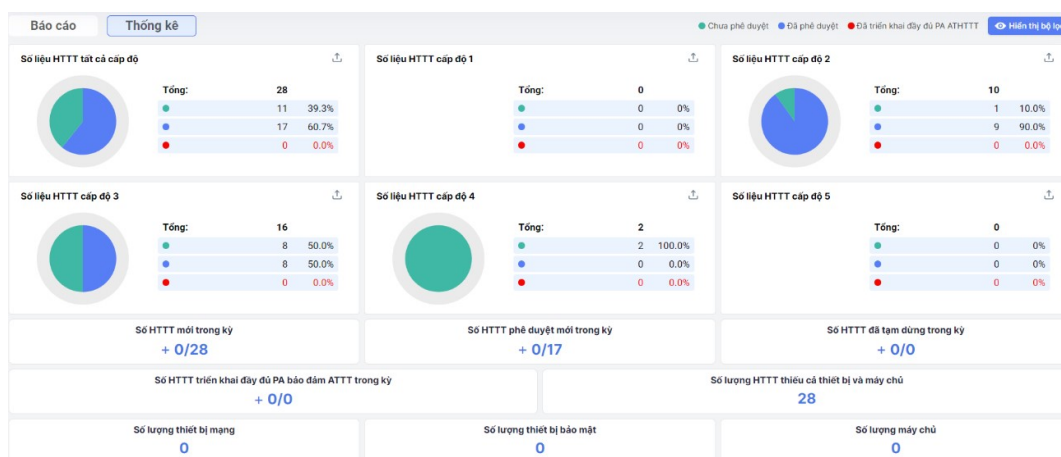
### **Thống kê đơn vị**

**Mục đích:** Cung cấp thông tin thống kê số lượng, thiết bị, máy chủ, phê duyệt mới, triển khai HTTT trong đơn vị

#### **Thao tác:**

**Bước 1:** Từ menu trái chọn 📄 Thống kê đơn vị để chuyển đến màn “**Thống kê hệ thống thông tin**”

**Bước 2:** Màn “**Thống kê hệ thống thông tin**” hiển thị thống kê , số liệu HTTT trong đơn vị.



Hình 12: Màn thống kê HTTT.

### c) Chức năng Quản lý hệ thống thông tin

Danh sách hệ thống thông tin

**Mục đích:** Chức năng này giúp người dùng xem tổng thể danh sách HTTT trong đơn vị, tìm kiếm HTTT theo tên hoặc theo cấp độ HTTT

**Thao tác:**

**Bước 1:** Từ màn hình “Quản lý người dùng” chọn nút [Quản lý HTTT](#) để chuyển đến màn danh sách HTTT

**Bước 2:** Tại màn hình “Danh sách hệ thống thông tin” hiển thị tổng thể danh sách HTTT trong đơn vị.




| STT | Đơn vị vận hành                                     | Tên hệ thống  | Cấp độ | Phê duyệt | Tiêu chí quản lý | Tiêu chí kỹ thuật | Thao tác    |
|-----|---|---|--------|-----------|------------------|-------------------|-------------|
| 1   | Cục Bưu điện Trung ương                             | Hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp 1  | 5      | ✓         | -                | -                 | [i] [e] [d] |
| 2   | Cục Bưu điện Trung ương                             | Mạng điện báo Hệ đặc biệt   | 5      | ✓         | -                | -                 | [i] [e] [d] |
| 3   | Cục Bưu điện Trung ương                             | Hệ thống hợp trực tuyến cho cơ quan nhà nước  | 4      | ✗         | -                | -                 | [i] [e] [d] |
| 4   | Báo VietnamNet                                      | Hệ tăng chuyển biệt phục vụ tác nghiệp và hoạt động báo chí   | 3      | ✓         | -                | -                 | [i] [e] [d] |
| 5   | Cục Chuyển đổi số quốc gia                          | Hệ thống PC-Covid   | 3      | ✓         | -                | -                 | [i] [e] [d] |
| 6   | Tổng công ty Truyền thông đa phương tiện - VTC      | Hệ thống thông tin Game Online  | 3      | ✗         | -                | -                 | [i] [e] [d] |
| 7   | Tổng công ty Truyền thông đa phương tiện - VTC      | Hệ thống thông tin Website media  | 3      | ✗         | -                | -                 | [i] [e] [d] |
| 8   | Cục Bưu điện Trung ương                             | Mạng điện rộng phục vụ hoạt động của Cục BDTW   | 3      | ✗         | -                | -                 | [i] [e] [d] |
| 9   | Cục An toàn thông tin                               | Hệ thống Đồng thông tin và Thư điện tử  | 2      | ✓         | -                | -                 | [i] [e] [d] |
| 10  | Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp không gian mạng Việt Nam | Hệ thống đánh giá, kiểm định an toàn thông tin  | 2      | ✓         | -                | -                 | [i] [e] [d] |
| 11  | Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp không gian mạng Việt Nam | Hệ thống giám sát các sự cố an toàn mạng và hỗ trợ theo dõi, phân tích sự cố, tấn công an toàn thông tin mạng | 2      | ✓         | 41/42            | 32/51             | [i] [e] [d] |
| 12  | Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp không gian mạng Việt Nam | Hệ thống nghiệp vụ  | 2      | ✓         | -                | -                 | [i] [e] [d] |
| 13  | Cục Thông tin cơ sở                                 | Hệ thống phần mềm quản lý dữ liệu nghiệp vụ thông tin cơ sở   | 2      | ✓         | -                | -                 | [i] [e] [d] |
| 14  | Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp không gian mạng Việt Nam | Hệ thống phòng, chống, ngăn chặn thư rác  | 2      | ✓         | -                | -                 | [i] [e] [d] |

Hình 13: Màn danh sách hệ thống thông tin

- Người dùng có thể lọc danh sách HTTT theo các cấp độ hệ thống, đơn vị vận hành, trạng thái phê duyệt, thông tin hiện trạng, tình trạng triển khai đầy đủ phương án AHTT, hoặc tra cứu theo tên HTTT




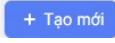
Hình 14: Mục tra cứu danh sách hệ thống thông tin

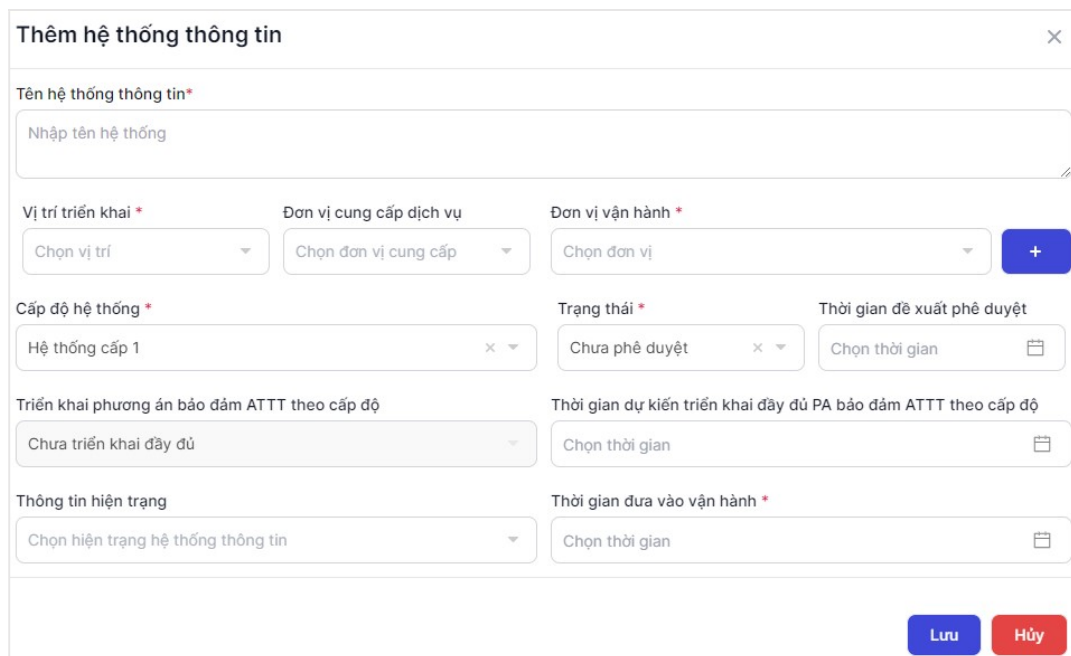
Người dùng cũng có thể xem thông tin chi tiết HTTT, chọn  để cập nhật thông tin HTTT hoặc chọn  để chuyển HTTT sang danh sách dừng vận hành, hoặc  để vận hành lại HTTT

### Thêm mới hệ thống thông tin

**Mục đích:** Chức năng này giúp người dùng thêm mới HTTT

#### **Thao tác:**


**Bước 1:** Từ menu bên trái chọn , người dùng di chuyển sang tay phải màn hình chọn  để người dùng nhập các thông tin về HTTT cần tạo



Hình 15: Màn thêm mới hệ thống thông tin

- **“Tên hệ thống thông tin”**: Nhập tên của HTTT
- **“Vị trí triển khai”**: Nhập vị trí triển khai hệ thống (Tại cơ sở hoặc thuê dịch vụ)
- **“Đơn vị cung cấp dịch vụ”**: chọn đơn vị cung cấp nếu hệ thống triển khai tại doanh nghiệp
- **“Đơn vị vận hành”**: Nhập tên đơn vị vận hành hệ thống
- **“Cấp độ hệ thống”**: Chọn cấp độ của hệ thống


- “**Trạng thái**”: Nhập trạng thái phê duyệt hệ thống
- “**Thời gian đề xuất**”: Nhập thời gian đề xuất nếu hệ thống chưa phê duyệt
- “**Thời gian dự kiến triển khai đầy đủ PA ATTT**”: Nhập thời gian dự kiến
- “**Thông tin hiện trạng** ”: Chọn hiện trạng hệ thống thông tin
- “**Thời gian đưa vào vận hành**”: Người dùng chọn thời gian bắt đầu sử dụng hệ thống

**Bước 2:** Chọn  để lưu thông tin HTTT vừa nhập

### **Cập nhật hệ thống thông tin**

**Mục đích:** Chức năng này giúp người dùng cập nhật thông tin hồ sơ đề xuất cấp độ của HTTT

#### **Thao tác:**

**Bước 1:** Từ danh sách HTTT di chuột sang tay phải màn hình chọn  để cập nhật thông tin về HTTT, hệ thống sẽ điều hướng sang màn hình xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ để người dùng tiến hành cập nhật




*Hình 16: Màn hình cập nhật hệ thống thông tin*



























**Bước 2:** Chọn tạo mới hoặc sử dụng hồ sơ mẫu đã có để bắt đầu xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ

### **Chi tiết hệ thống thông tin**

**Mục đích:** Chức năng này giúp người dùng xem danh sách HTTT đã duyệt trong đơn vị, tìm kiếm HTTT theo tên hoặc theo cấp độ HTTT

#### **Thao tác:**

**Bước 1:** Từ danh sách HTTT, click chọn vào nút  của dòng HTTT để xem chi tiết thông tin về HTTT

| STT | Đơn vị vận hành                                     | Tên hệ thống  | Cấp độ | Phê duyệt | Tiêu chí quản lý | Tiêu chí kỹ thuật | Thao tác  |
|-----|---|---|--------|-----------|------------------|-------------------|---|
| 1   | Cục Bưu điện Trung ương                             | Hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp 1  | 5      | ✓         | -                | -                 |     |
| 2   | Cục Bưu điện Trung ương                             | Mạng điện báo Hệ đặc biệt   | 5      | ✓         | -                | -                 |     |
| 3   | Cục Bưu điện Trung ương                             | Hệ thống hợp trực tuyến cho cơ quan nhà nước  | 4      | ✗         | -                | -                 |    |
| 4   | Báo VietNamNet                                      | Hạ tầng chuyên biệt phục vụ tác nghiệp và hoạt động báo chí   | 3      | ✓         | -                | -                 |     |
| 5   | Cục Chuyển đổi số quốc gia                          | Hệ thống PC-Covid   | 3      | ✓         | -                | -                 |     |
| 6   | Tổng công ty Truyền thông đa phương tiện - VTC      | Hệ thống thông tin Game Online  | 3      | ✗         | -                | -                 |    |
| 7   | Tổng công ty Truyền thông đa phương tiện - VTC      | Hệ thống thông tin Website media  | 3      | ✗         | -                | -                 |    |
| 8   | Cục Bưu điện Trung ương                             | Mạng điện rộng phục vụ hoạt động của Cục BDTW   | 3      | ✗         | -                | -                 |    |
| 9   | Cục An toàn thông tin                               | Hệ thống Cổng thông tin và Thư điện tử  | 2      | ✓         | -                | -                 |     |
| 10  | Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp không gian mạng Việt Nam | Hệ thống đánh giá, kiểm định an toàn thông tin  | 2      | ✓         | -                | -                 |     |
| 11  | Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp không gian mạng Việt Nam | Hệ thống giám sát các sự cố an toàn mạng và hỗ trợ theo dõi, phân tích sự cố, tấn công an toàn thông tin mạng | 2      | ✓         | 41/42            | 32/51             |     |

Hình 17: Màn danh sách hệ thống thông tin

**Bước 2:** Màn thông tin chi tiết HTTT, người dùng có thể xem thông tin và cập nhật các tài liệu liên quan của HTTT

Tên hệ thống thông tin  
**Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục + Cơ sở dữ liệu giáo dục Mầm Non + Cơ sở dữ liệu giáo dục Phổ thông + Cơ sở dữ liệu giáo dục Thường Xuyên**

Đơn vị vận hành: **Cục Công nghệ thông tin.** Vị trí triển khai:

Cấp độ hệ thống: **Hệ thống cấp 3** Trạng thái: **Đã phê duyệt**

[Xem thêm](#)

---

Tài liệu hệ thống [Thêm tài liệu](#)

| Loại tài liệu | Mô tả | Tải xuống |
|---------------|-------|-----------|
|               |       |           |


Hình 18: Màn chi tiết hệ thống thông tin

## d) Hồ sơ đề xuất cấp độ

Xây dựng HSDXCĐ cho HTTT

**Mục đích:** Chức năng này giúp người dùng xây dựng hồ sơ đề xuất các cấp độ trong HTTT

### Thao tác:

**Bước 1:** Từ màn danh sách HTTT chọn  để chuyển đến màn “Xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ”

**Bước 2 :** Màn “Xây dựng sơ đề xuất cấp độ” hiển thị

**Xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ** Ấn phụ lục Xuất hồ sơ

I. Thông tin tổng quan về HTTT ▼

II. Thuyết minh cấp độ đề xuất ▼

III. Thuyết minh phương án bảo đảm an toàn HTTT Đáp ứng 73/93

Yêu cầu quản lý (Đáp ứng 41/42)

| STT                                      | Tiêu chí   | Đáp ứng 41/42 | Tham chiếu TCVN 11930:2017 | Trạng thái   | Thuyết minh phương án |
|--|--|---------------|----------------------------|--------------|-----------------------|
| <b>YÊU CẦU QUẢN LÝ</b>                   |  |               |                            |              |                       |
| Thiết lập chính sách an toàn thông tin   |  |               |                            |              |                       |
| Chính sách an toàn thông tin             |  |               |                            |              |                       |
| 1.1.1.                                   | Xây dựng chính sách ATTT gồm: - Quản lý an toàn mạng; - Quản lý an toàn máy chủ và ứng dụng; - Quản lý an toàn dữ liệu; - Quản lý an toàn thiết bị đầu cuối. |               | Điểm d Mục 6.1.1.1         | Chưa đáp ứng |                       |
| Xây dựng và công bố                      |  |               |                            |              |                       |
| 1.2.1.                                   | Chính sách tổ chức/bộ phận được ủy quyền thông qua trước khi công bố áp dụng   |               | Điểm a Mục 6.1.1.2         | Đáp ứng      |                       |
| Rà soát, sửa đổi                         |  |               |                            |              |                       |
| 1.3.1.                                   | Định kỳ 03 năm hoặc có thay đổi chính sách ATTT kiểm tra tính phù hợp và thực hiện rà soát, cập nhật, bổ sung  |               | Điểm a Mục 6.1.1.3         | Đáp ứng      |                       |
| Tổ chức bảo đảm an toàn thông tin        |  |               |                            |              |                       |
| Đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin |  |               |                            |              |                       |
| 2.1.1.                                   | Có bộ phận có trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin cho tổ chức  |               | Điểm a Mục 6.1.2.1         | Đáp ứng      |                       |

I. Thông tin tổng quan về HTTT

- Thông tin hệ thống
- Thông tin Chủ quản hệ thống thông tin
- Thông tin đơn vị vận hành
- Mô tả phạm vi quy mô
- Mô tả cấu trúc của hệ thống

II. Thuyết minh cấp độ đề xuất

- Danh mục hệ thống thông tin và cấp độ đề xuất
- Thuyết minh đề xuất cấp độ đối với hệ thống thông tin
- Quy chế bảo đảm an toàn thông tin kèm theo

III. Thuyết minh phương án bảo đảm an toàn HTTT

Yêu cầu quản lý

Yêu cầu kỹ thuật

Các tiêu chí cho thiết bị, máy chủ, ứng dụng/dịch vụ

- Bảo đảm an toàn mạng
- Bảo đảm an toàn máy chủ
- Bảo đảm an toàn ứng dụng

Hình 19: Màn xây dựng dự thảo hồ sơ đề xuất cấp độ

Người dùng thao tác nhấn nút hoặc click các mục trên phụ lục để cập nhật thông tin của HTTT

### Mô tả phạm vi quy mô

**Mục đích:** Cập nhật phạm vi, quy mô của HTTT

### Thao tác:

**Bước 1:** Từ màn hình HSĐXCĐ, tại mục 4. Mô tả phạm vi quy mô chọn

**Cập nhật thông tin**

Cập nhật phạm vi, quy mô hệ thống thông tin

| Phạm vi, quy mô của Hệ thống thông tin | Đối tượng phục vụ của hệ thống |
|--|--------------------------------|
| Phạm vi, quy mô của Hệ thống thông tin | Đối tượng phục vụ của hệ thống |

Lưu thông tin

Hình 20: Màn phạm vi, quy mô HTTT hồ sơ đề xuất cấp độ

**Bước 2:** Nhập thông tin và chọn Lưu thông tin

### Mô tả cấu trúc của hệ thống

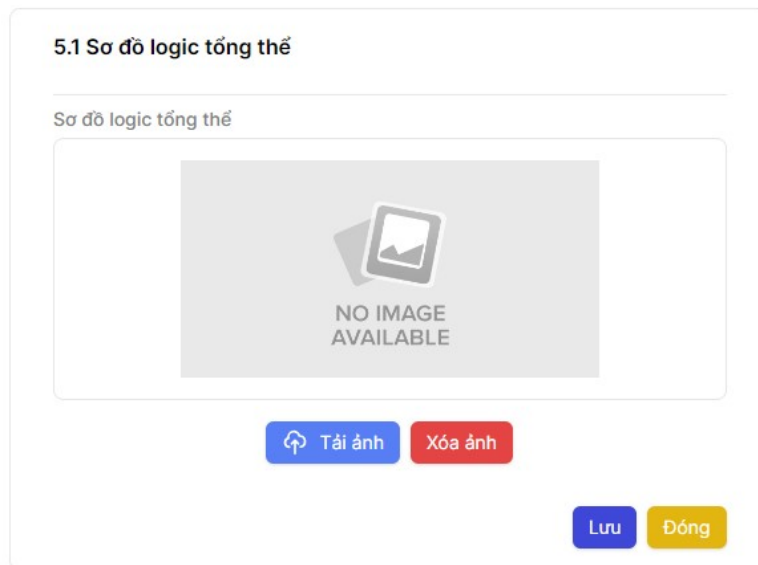
**Mục đích:** Chức năng này giúp người dùng cập nhật các sơ đồ logic và sơ đồ kết nối vật lý của HTTT

### Thao tác:

**Bước 1:** Từ màn hình HSĐXCĐ, tại mục 4. Mô tả phạm vi quy mô chọn

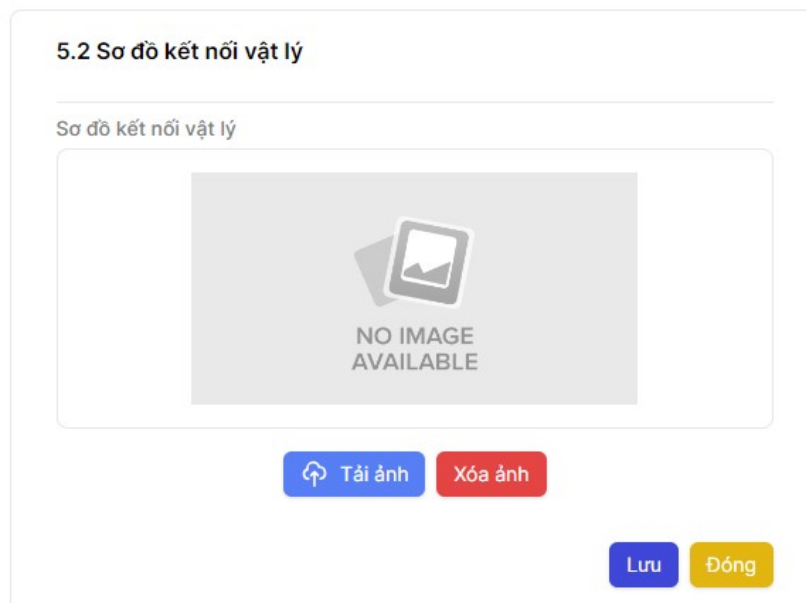
Cập nhật từng sơ đồ của hệ thống

**Bước 2:** Tải ảnh sơ đồ logic tổng thể của hệ thống và nhấn lưu



Hình 21: Màn hình sơ đồ logic tổng thể

**Bước 3:** Tải ảnh sơ đồ kết nối vật lý của hệ thống và nhấn lưu



Hình 22: Màn hình sơ đồ kết nối vật lý

### Thiết kế các vùng mạng

**Mục đích:** Chức năng này giúp người dùng cập nhật danh sách các vùng mạng trong HTTT

#### **Thao tác:**

**Bước 1:** Từ màn hình HSDXCD, tại mục 5.3 Thiết kế các vùng mạng, chọn

**Thêm vùng mạng**

| 5.3 Thiết kế các vùng mạng |   |                   |          | Thêm vùng mạng |
|----------------------------|---|-------------------|----------|----------------|
| STT                        | Vùng mạng   | Mục đích thiết kế | Thao tác |                |
| 1                          | Vùng mạng nội bộ  |                   |          |                |
| 2                          | Vùng mạng biên  |                   |          |                |
| 3                          | Vùng DMZ  |                   |          |                |
| 4                          | Vùng máy chủ nội bộ   |                   |          |                |
| 5                          | Vùng mạng không dây (nếu có) tách riêng, độc lập với các vùng mạng khác |                   |          |                |
| 6                          | Khác  |                   |          |                |

Hình 23: Màn danh sách vùng mạng trong HTTT

## Bước 2: Chọn vùng mạng sử dụng và nhập mục đích sử dụng

| STT | Vùng mạng                 | Mục đích thiết kế      | Thao tác |
|-----|---------------------------|------------------------|----------|
|     | Chọn vùng mạng triển khai | Nhập mục đích thiết kế |          |

Hình 24: Màn thêm vùng mạng trong HTTT

- “**Vùng mạng**”: Chọn vùng mạng mới
- “**Mục đích thiết kế**”: Nhập thông tin mục đích

**Bước 3:** Chọn để lưu thông tin thiết bị vừa nhập

**Bước 4:** Người dùng cũng có thể chọn để sửa thông tin thiết bị, hoặc chọn để xóa thiết bị khỏi danh sách

## Danh mục thiết bị mạng/bảo mật sử dụng trong hệ thống

**Mục đích:** Chức năng này giúp người dùng cập nhật danh sách các thiết bị trong HTTT

### Thao tác:

**Bước 1:** Từ màn hình HSDXCD, tại mục 5.4.1 Danh mục thiết bị mạng/bảo mật sử dụng trong hệ thống hiển thị danh sách thiết bị mạng, thiết bị bảo mật được sử dụng trong HTTT

| 5.4.1 Danh sách thiết bị mạng/Thiết bị bảo mật |              |                    |                   |  |                              |          | Thêm thiết bị mạng | Thêm thiết bị bảo mật |
|--|--------------|--------------------|-------------------|--|------------------------------|----------|--------------------|-----------------------|
| STT  | Tên thiết bị | Chủng loại         | Vị trí triển khai | Mục đích sử dụng                                 | Dự phòng cho thiết bị        | Thao tác |                    |                       |
| 1  | Core02       | Switch Cisco       | Khác              | Thiết bị chuyển mạch lõi của hệ thống            | TB chính - Không có dự phòng |          |                    |                       |
| 2  | Core01       | Switch Cisco       | Khác              | Thiết bị chuyển mạch lõi của hệ thống            | TB chính - Không có dự phòng |          |                    |                       |
| 3  | FW02         | Firewalls Fortinet | Vùng mạng biên    | Quản lý truy cập vào/ra của vùng mạng người dùng | TB chính - Không có dự phòng |          |                    |                       |
| 4  | FW01         | Firewalls Fortinet | Vùng mạng biên    | Quản lý truy cập vào/ra của vùng mạng người dùng | TB chính - Không có dự phòng |          |                    |                       |
| 5  | SW02         | Switch Cisco       | Vùng mạng biên    | Thiết bị chuyển mạch của vùng mạng biên          | TB chính - Không có dự phòng |          |                    |                       |
| 6  | SW01         | Switch Cisco       | Vùng mạng biên    | Thiết bị chuyển mạch của vùng mạng biên          | TB chính - Không có dự phòng |          |                    |                       |
| 7  | R03          | Router Cisco       | Vùng mạng biên    | Kết nối 2 site và định tuyến tĩnh với nhà mạng   | TB chính - Không có dự phòng |          |                    |                       |

Hình 25: Màn danh sách thiết bị mạng, bảo mật trong HTTT


**Bước 2:** Người dùng có thể chọn thêm mới hoặc cập nhật các thiết bị trong HTTT



5.4.1 Danh sách thiết bị mạng/Thiết bị bảo mật Thêm thiết bị mạng Thêm thiết bị bảo mật

| STT | Tên thiết bị                                   | Chủng loại  | Vị trí triển khai  | Mục đích sử dụng                                   | Dự phòng cho thiết bị                              | Thao tác   |
|-----|--|---|--|--|--|--|
|     | <input type="text" value="Nhập tên thiết bị"/> | <input type="button" value="Chọn chủng loại thiết bị..."/><br><input type="button" value="Chọn hãng thiết bị"/><br><input type="button" value="Chọn dòng"/> | <input type="button" value="Chọn vùng mạng triển khai"/> | <input type="text" value="Nhập mục đích sử dụng"/> | <input type="button" value="Chọn thiết bị chính"/> | <input type="button" value="Lưu"/><br><input type="button" value="Xóa"/> |

Hình 26: Màn thêm mới thiết bị trong HTTT

- **“Tên thiết bị”:** Nhập tên của thiết bị
- **“Chủng loại”:** Chọn chủng loại thiết bị
- **“Hãng thiết bị”:** Chọn hãng thiết bị
- **“Model”:** Chọn dòng thiết bị theo hãng
- **“Vị trí triển khai”:** Nhập vị trí đặt thiết bị
- **“Mục đích sử dụng”:** Mục đích sử dụng của thiết bị
- **“Dự phòng cho thiết bị”:** Chọn thiết bị chính cần dự phòng (Nếu đang nhập thiết bị dự phòng)

**Bước 3:** Chọn  để lưu thông tin thiết bị vừa nhập

**Bước 4:** Người dùng cũng có thể chọn  để sửa thông tin thiết bị, hoặc chọn  để xóa thiết bị khỏi danh sách

## Danh mục thiết bị máy chủ trong hệ thống

**Mục đích:** Chức năng này giúp người dùng cập nhật danh sách các thiết bị máy chủ trong HTTT

### Thao tác:



**Bước 1:** Từ màn hình HSDXCD, tại mục 5.4.2 Danh mục thiết bị máy chủ sử dụng trong hệ thống hiển thị danh sách thiết bị máy chủ được sử dụng trong HTTT

5.4.2 Danh sách máy chủ Thêm máy chủ

| STT | Tên thiết bị | Chủng loại | Vị trí triển khai   | Mục đích sử dụng | Thao tác  |
|-----|--------------|------------|---------------------|------------------|---|
| 1   | Server08     | Server     | Vùng máy chủ nội bộ |                  |   |
| 2   | Server07     | Server     | Vùng máy chủ nội bộ |                  |   |
| 3   | Server06     | Server     | Vùng máy chủ nội bộ |                  |   |
| 4   | Server05     | Server     | Vùng máy chủ nội bộ |                  |   |
| 5   | Server04     | Server     | Vùng máy chủ nội bộ |                  |   |


Hình 27: Màn danh sách thiết bị máy chủ trong HTTT



**Bước 2:** Người dùng có thể chọn thêm mới hoặc cập nhật các thiết bị trong HTTT

| STT | Tên thiết bị      | Chủng loại  | Vị trí triển khai         | Mục đích sử dụng      | Thao tác  |
|-----|-------------------|---|---------------------------|-----------------------|---|
|     | Nhập tên thiết bị | Chọn chủng loại thiết bị<br>Chọn hãng thiết bị<br>Chọn loại máy | Chọn vùng mạng triển khai | Nhập mục đích sử dụng |   |

Hình 28: Màn thêm mới thiết bị máy chủ trong HTTT

- “**Tên thiết bị**”: Nhập tên của thiết bị
- “**Loại máy**”: Chọn loại máy vật lý hoặc máy chủ ảo hóa
- “**Chủng loại**”: Chọn chủng loại thiết bị
- “**Hãng thiết bị**”: Chọn hãng thiết bị
- “**Model**”: Chọn dòng thiết bị theo hãng
- “**Vị trí triển khai**”: Nhập vị trí đặt thiết bị
- “**Mục đích sử dụng**”: Mục đích sử dụng của thiết bị

**Bước 3:** Chọn  để lưu thông tin thiết bị vừa nhập

**Bước 4:** Người dùng cũng có thể chọn  để sửa thông tin thiết bị, hoặc chọn  để xóa thiết bị khỏi danh sách



### Danh sách dịch vụ

**Mục đích:** Chức năng này giúp người dùng cập nhật danh sách các dịch vụ trong HTTT

### Thao tác:



**Bước 1:** Từ màn hình HSDXCD, tại mục 5.5 Danh mục các ứng dụng/dịch vụ cung cấp bởi hệ thống hiển thị danh sách ứng dụng cài đặt trên máy chủ trong HTTT

**Bước 2:** Danh sách dịch vụ hiển thị các dịch vụ, ứng dụng được sử dụng trong HTTT

| 5.5 Danh mục các ứng dụng/dịch vụ cung cấp bởi hệ thống |                  |              |                           |                   |                       |                       |   | Thêm dịch vụ |
|---|------------------|--------------|---------------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|---|--------------|
| STT   | Tên dịch vụ      | Máy chủ      | Ứng dụng cài đặt          | Vị trí triển khai | HDH                   | Mục đích sử dụng      | Thao tác  |              |
|   | Nhập tên dịch vụ | Chọn máy chủ | Nhập tên ứng dụng cài đặt |                   | Nhập tên hệ điều hành | Nhập mục đích sử dụng |   |              |

Hình 29: Màn danh sách dịch vụ thuộc HTTT


**Bước 3:** Người dùng có thể thêm mới các dịch vụ vào HTTT



| 5.5 Danh mục các ứng dụng/dịch vụ cung cấp bởi hệ thống |                  |                                      |                           |                   |                       |                       |   | Thêm dịch vụ |
|---|------------------|--------------------------------------|---------------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|---|--------------|
| STT   | Tên dịch vụ      | Máy chủ                              | Ứng dụng cài đặt          | Vị trí triển khai | HDH                   | Mục đích sử dụng      | Thao tác  |              |
|   | Nhập tên dịch vụ | Chọn máy chủ<br>Server03<br>Server02 | Nhập tên ứng dụng cài đặt |                   | Nhập tên hệ điều hành | Nhập mục đích sử dụng |   |              |

Hình 30: Màn thêm mới dịch vụ thuộc HTTT



- “**Tên dịch vụ**”: Nhập tên dịch vụ
- “**Máy chủ**”: Chọn loại máy chủ
- “**Ứng dụng cài đặt**”: Nhập tên ứng dụng cài đặt
- “**Vùng mạng**”: Chọn vùng mạng
- “**Hệ điều hành**”: Nhập tên hệ điều hành
- “**Mục đích sử dụng**”: Nhập mục đích sử dụng

**Bước 4** : Chọn  để lưu thông tin thiết bị vừa nhập

**Bước 5**: Người dùng cũng có thể chọn  để sửa thông tin thiết bị, hoặc chọn  để xóa dịch vụ khỏi danh sách

### Danh sách IP vùng mạng

**Mục đích:** Chức năng này giúp người dùng xem danh sách IP vùng mạng, tìm kiếm HTTT theo tên hoặc theo cấp độ HTTT

#### Thao tác:



**Bước 1:** Từ màn hình HSDXCĐ, tại mục 5.6 Quy hoạch địa chỉ IP các vùng mạng trong hệ thống

**Bước 2:** Danh sách IP vùng mạng hiển thị các IP được sử dụng trong HTTT

| 5.6 Quy hoạch địa chỉ IP các vùng mạng trong hệ thống |                     |                |                | Thêm IP thành phần  |
|---|---------------------|----------------|----------------|---|
| STT   | Vùng mạng           | IP Private     | IP Public      | Thao tác  |
| 1   | Vùng DMZ            | 192.168.1.0/24 | 202.191.x.0/24 |   |
| 2   | Vùng quản trị       | 192.168.2.0/24 | 202.191.y.0/24 |   |
| 3   | Vùng máy chủ nội bộ | 192.168.3.0/24 | 202.191.z.0/24 |   |

Hình 31: Màn danh sách IP thuộc HTTT

**Bước 3:** Người dùng có thể chọn **Thêm IP thành phần** để mới IP của HTTT

| 5.6 Quy hoạch địa chỉ IP các vùng mạng trong hệ thống |                           |            |           | Thêm IP thành phần  |
|---|---------------------------|------------|-----------|---|
| STT   | Vùng mạng                 | IP Private | IP Public | Thao tác  |
|   | Chọn vùng mạng triển khai | IP Private | IP Public |   |

Hình 32: Màn thêm mới địa chỉ IP

- “**Vị trí triển khai**”: Nhập vị trí đặt thiết bị
- “**IP Public**”: IP công khai
- “**IP Private**”: IP bảo mật

**Bước 4:** Chọn nút **Lưu lại** để lưu lại danh sách thông tin IP đã cập nhật

### Danh mục máy trạm trong HTTT

**Mục đích:** Chức năng này giúp người dùng cập nhật danh sách các thiết bị máy trạm trong HTTT



#### Thao tác:

**Bước 1:** Từ màn hình HSDXCĐ, tại mục 5.4.2 Danh mục thiết bị máy chủ sử dụng trong hệ thống hiển thị danh sách thiết bị máy chủ được sử dụng trong HTTT

| 5.7 Danh mục máy trạm trong hệ thống thông tin |          |      |          |           |            |          | Thêm máy trạm |
|--|----------|------|----------|-----------|------------|----------|---------------|
| STT  | Loại máy | Hãng | Số lượng | Vùng mạng | Cài đặt AV | Thao tác |               |


Hình 33: Màn danh sách thiết bị máy trạm trong HTTT



**Bước 2:** Người dùng có thể chọn thêm mới hoặc cập nhật các thiết bị trong HTTT

| STT | Loại máy      | Hãng               | Số lượng | Vùng mạng                 | Cài đặt AV | Thao tác  |
|-----|---------------|--------------------|----------|---------------------------|------------|---|
|     | Chọn loại máy | Chọn hãng thiết bị | Số lượng | Chọn vùng mạng triển khai | Av cài đặt |   |

Hình 34: Màn thêm mới thiết bị trong HTTT

- “**Loại máy**”: Chọn loại máy PC hoặc máy laptop
- “**Hãng thiết bị**”: Chọn hãng thiết bị
- “**Số lượng**”: Chọn số lượng thiết bị theo hãng
- “**Vùng mạng**”: Nhập vùng mạng sử dụng
- “**Cài đặt AV**”: Thông tin phần mềm AV cài đặt trên máy

**Bước 3:** Chọn  để lưu thông tin thiết bị vừa nhập




**Bước 4:** Người dùng cũng có thể chọn  để sửa thông tin thiết bị, hoặc chọn  để xóa thiết bị khỏi danh sách

### Danh mục hệ thống thông tin và cấp độ đề xuất

**Mục đích:** Chức năng này giúp người dùng cập nhật danh sách các hệ thống thành phần trong HTTT

#### Thao tác:

**Bước 1:** Từ màn hình HSDXCĐ, tại phần II mục 1 Danh mục hệ thống thông tin và cấp độ đề xuất hiển thị danh sách hệ thống thành phần trong HTTT

| 1. Danh mục hệ thống thông tin và cấp độ đề xuất |   |                |  |   |
|--|---|----------------|--|---|
| STT  | Hệ thống  | Cấp độ đề xuất | Căn cứ đề xuất   | Thao tác  |
| 1  | Hệ thống giám sát các sự cố an toàn mạng và hỗ trợ theo dõi, phân tích sự cố, tấn công an toàn thông tin mạng | 2              | Chọn căn cứ đề xuất theo quy định tại Nghị định số 85/2015/NĐ-CP |    |
| <a href="#">+ Thêm</a>                           |   |                |  |   |


Hình 35: Màn danh sách hệ thống thành phần trong HTTT



**Bước 2:** Người dùng có thể chọn thêm mới hoặc cập nhật các hệ thống thành phần trong HTTT

Hình 36: Màn thêm mới hệ thống thành phần trong HTTT

Hình 37: Màn chọn căn cứ đề xuất theo cấp độ của HTTT

- “**Hệ thống thành phần**”: Nhập tên hệ thống thành phần
- “**Cấp độ đề xuất**”: Chọn cấp độ của hệ thống thành phần
- “**Căn cứ đề xuất**”: Chọn các căn cứ đề xuất

**Bước 3:** Chọn  để lưu thông tin thiết bị vừa nhập

**Bước 4:** Người dùng cũng có thể chọn  để sửa thông tin thiết bị, hoặc chọn  để xóa thiết bị khỏi danh sách

### Thuyết minh đề xuất cấp độ đối với hệ thống thông tin

**Mục đích:** Chức năng này giúp người dùng cập nhật danh sách các thuyết minh đề xuất cấp độ các hệ thống trong HTTT

#### Thao tác:

**Bước 1:** Từ màn hình HSĐXCĐ, tại phần II mục 2 Thuyết minh đề xuất cấp độ đối với HTTT hiển thị danh sách thuyết minh hệ thống thành phần trong HTTT

| STT | Hệ thống  | Thuyết minh cấp độ đối với HTTT |
|-----|---|---------------------------------|
| 1   | Hệ thống giám sát các sự cố an toàn mạng và hỗ trợ theo dõi, phân tích sự cố, tấn công an toàn thông tin mạng |                                 |

Hình 38: Màn danh sách thuyết minh hệ thống thành phần trong HTTT

**Bước 2:** Người dùng có thể cập nhật các thuyết minh hệ thống thành phần trong HTTT

| STT | Hệ thống  | Thuyết minh cấp độ đối với HTTT |
|-----|---|---------------------------------|
| 1   | Hệ thống giám sát các sự cố an toàn mạng và hỗ trợ theo dõi, phân tích sự cố, tấn công an toàn thông tin mạng |                                 |

Hình 39: Màn cập nhật thuyết minh hệ thống thành phần trong HTTT

**Bước 3:** Chọn **Lưu** để lưu thông tin thiết bị vừa nhập

### Quy chế bảo đảm an toàn thông tin kèm theo

**Mục đích:** Chức năng này giúp người dùng cập nhật danh sách các quy chế trong HTTT

#### **Thao tác:**

**Bước 1:** Từ màn hình HSDXCĐ, tại phần II mục 3 Danh mục quy chế đảm bảo ATTT trong HTTT

| STT | Thông tin quy chế, quy trình | Tài liệu đính kèm | Thao tác |
|-----|------------------------------|-------------------|----------|
|     | Thông tin quy chế            |                   |          |

Hình 40: Màn danh sách quy chế trong HTTT

**Bước 2:** Người dùng có thể chọn thêm mới hoặc cập nhật các quy chế trong HTTT

| STT | Thông tin quy chế, quy trình | Tài liệu đính kèm    | Thao tác |
|-----|------------------------------|----------------------|----------|
|     | Thông tin quy chế            | Upload (tối đa 20MB) |          |

Hình 41: Màn thêm mới quy chế trong HTTT

- “**Thông tin quy chế**”: Nhập tên thông tin quy chế hệ thống thông tin

- “**Tài liệu đính kèm**”: upload tài liệu liên quan

**Bước 3:** Chọn để lưu thông tin vừa nhập

**Bước 4:** Người dùng cũng có thể chọn để sửa thông tin, hoặc chọn để xóa tài liệu khỏi danh sách

### Phương án bảo đảm an toàn HTTT - Yêu cầu quản lý

**Mục đích:** Người dùng cập nhật lại thông tin thuyết minh các phương án đảm bảo ATHTTT

#### **Thao tác:**

**Bước 1:** Từ màn hình HSDXCĐ, tại phần III. Thuyết minh phương án bảo đảm an toàn HTTT, hiển thị mục Yêu cầu quản lý

| Yêu cầu quản lý (Đáp ứng 0/80)          |  |              |                            |              |                       |
|---|--|--------------|----------------------------|--------------|-----------------------|
| STT                                     | Tiêu chí   | Đáp ứng 0/80 | Tham chiếu TCVN 11930:2017 | Trạng thái   | Thuyết minh phương án |
| 2.2.2.                                  | Có đầu mối liên hệ, phối hợp với cơ quan trong công tác hỗ trợ điều phối xử lý sự cố ATTT  |              | Điểm b Mục 71.2.2          | Chưa đáp ứng |                       |
| 2.2.3.                                  | Tham gia các hoạt động, công tác bảo đảm ATTT khi có yêu cầu của tổ chức có thẩm quyền   |              | Điểm c Mục 71.2.2          | Chưa đáp ứng |                       |
| <b>Bảo đảm nguồn nhân lực</b>           |  |              |                            |              |                       |
| 11.4.                                   | Xây dựng chính sách ATTT gồm: - Quản lý an toàn mạng; - Quản lý an toàn máy chủ và ứng dụng; - Quản lý an toàn dữ liệu; - Quản lý an toàn thiết bị đầu cuối; - Quản lý phòng chống phần mềm độc hại; - Quản lý điểm yếu ATTT; - Quản lý giám sát ATHTTT; - Quản lý an toàn sử dụng đầu cuối. |              | Điểm d Mục 71.1.1          | Chưa đáp ứng |                       |
| <b>Tuyển dụng</b>                       |  |              |                            |              |                       |
| 3.1.1.                                  | Cán bộ được tuyển dụng vào vị trí làm về ATTT có trình độ, chuyên ngành về lĩnh vực CNTT, ATTT phù hợp với vị trí tuyển dụng   |              | Điểm a Mục 71.3.1          | Chưa đáp ứng |                       |
| 3.1.2.                                  | Có quy định, quy trình tuyển dụng cán bộ và điều kiện tuyển dụng cán bộ  |              | Điểm b Mục 71.3.1          | Chưa đáp ứng |                       |
| <b>Trong quá trình làm việc</b>         |  |              |                            |              |                       |
| 3.2.1.                                  | Có quy định về thực hiện nội quy, quy chế bảo đảm ATTT cho người sử dụng, cán bộ quản lý và vận hành hệ thống  |              | Điểm a Mục 71.3.2          | Chưa đáp ứng |                       |
| 3.2.2.                                  | Có kế hoạch và định kỳ hàng năm tổ chức phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức và ATTT cho người sử dụng  |              | Điểm b Mục 71.3.2          | Chưa đáp ứng |                       |
| 3.2.3.                                  | Có kế hoạch và định kỳ hàng năm tổ chức đào tạo các kỹ năng cơ bản về ATTT cho người sử dụng trong hệ thống  |              | Điểm c Mục 71.3.2          | Chưa đáp ứng |                       |
| <b>Chăm sóc hoặc thay đổi công việc</b> |  |              |                            |              |                       |
| 3.3.1.                                  | Cán bộ chấm dứt hoặc thay đổi công việc phải thu hồi thẻ truy cập, thông tin được lưu trên các phương tiện lưu trữ, trang thiết bị máy móc, phần cứng, phần mềm và các tài sản (nếu  |              | Điểm a Mục 71.3.3          | Chưa đáp ứng |                       |


Hình 42: Màn danh sách Yêu cầu quản lý Phương án đảm bảo an toàn HTTT

## Bước 2: Người dùng có thể cập nhật từng tiêu chí đáp ứng của HTTT

| Yêu cầu quản lý (Đáp ứng 0/80)  |  |              |                            |              |                       | Ngày dự kiến | Chọn ngày dự kiến | Lưu | Hủy |
|---------------------------------|--|--------------|----------------------------|--------------|-----------------------|--------------|-------------------|-----|-----|
| STT                             | Tiêu chí   | Đáp ứng 0/80 | Tham chiếu TCVN 11930:2017 | Trạng thái   | Thuyết minh phương án |              |                   |     |     |
| 2.2.1.                          | Có đầu mối liên hệ, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền quản lý về ATTT   |              | Điểm a Mục 71.2.2          | Chưa đáp ứng |                       |              |                   |     |     |
| 2.2.2.                          | Có đầu mối liên hệ, phối hợp với cơ quan trong công tác hỗ trợ điều phối xử lý sự cố ATTT  |              | Điểm b Mục 71.2.2          | Chưa đáp ứng |                       |              |                   |     |     |
| 2.2.3.                          | Tham gia các hoạt động, công tác bảo đảm ATTT khi có yêu cầu của tổ chức có thẩm quyền   |              | Điểm c Mục 71.2.2          | Chưa đáp ứng |                       |              |                   |     |     |
| <b>Bảo đảm nguồn nhân lực</b>   |  |              |                            |              |                       |              |                   |     |     |
| 11.4.                           | Xây dựng chính sách ATTT gồm: - Quản lý an toàn mạng; - Quản lý an toàn máy chủ và ứng dụng; - Quản lý an toàn dữ liệu; - Quản lý an toàn thiết bị đầu cuối; - Quản lý phòng chống phần mềm độc hại; - Quản lý điểm yếu ATTT; - Quản lý giám sát ATHTTT; - Quản lý an toàn sử dụng đầu cuối. |              | Điểm d Mục 71.1.1          | Chưa đáp ứng |                       |              |                   |     |     |
| <b>Tuyển dụng</b>               |  |              |                            |              |                       |              |                   |     |     |
| 3.1.1.                          | Cán bộ được tuyển dụng vào vị trí làm về ATTT có trình độ, chuyên ngành về lĩnh vực CNTT, ATTT phù hợp với vị trí tuyển dụng   |              | Điểm a Mục 71.3.1          | Chưa đáp ứng |                       |              |                   |     |     |
| 3.1.2.                          | Có quy định, quy trình tuyển dụng cán bộ và điều kiện tuyển dụng cán bộ  |              | Điểm b Mục 71.3.1          | Chưa đáp ứng |                       |              |                   |     |     |
| <b>Trong quá trình làm việc</b> |  |              |                            |              |                       |              |                   |     |     |
| 3.2.1.                          | Có quy định về thực hiện nội quy, quy chế bảo đảm ATTT cho người sử dụng, cán bộ quản lý và vận hành hệ thống  |              | Điểm a Mục 71.3.2          | Chưa đáp ứng |                       |              |                   |     |     |
| 3.2.2.                          | Có kế hoạch và định kỳ hàng năm tổ chức phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức và ATTT cho người sử dụng  |              | Điểm b Mục 71.3.2          | Chưa đáp ứng |                       |              |                   |     |     |
| 3.2.3.                          | Có kế hoạch và định kỳ hàng năm tổ chức đào tạo các kỹ   |              | Điểm c Mục 71.3.2          | Chưa đáp ứng |                       |              |                   |     |     |

Hình 43: Màn cập nhật Phương án triển khai

- “**Trạng thái** ”: Chọn trạng thái đáp ứng tiêu chí
- “**Ngày dự kiến**”: Nếu chưa đáp ứng, chọn thời gian dự kiến
- “**Phương án**”: Ghi chú về thông tin phương án

**Bước 3:** Chọn nút  để lưu lại danh sách thông tin tiêu chí đã cập nhật

## Phương án bảo đảm an toàn HTTT - Yêu cầu quản lý

**Mục đích:** Người dùng cập nhật lại thông tin thuyết minh các phương án đảm bảo ATHTTT

### Thao tác:

**Bước 1:** Từ màn hình HSDXCD, tại phần III. Thuyết minh phương án bảo đảm an toàn HTTT, hiển thị mục Yêu cầu kỹ thuật

| Yêu cầu kỹ thuật (Đáp ứng 0/99) |   |              |                               |              |                       |
|---------------------------------|---|--------------|-------------------------------|--------------|-----------------------|
| STT                             | Tiêu chí  | Đáp ứng 0/46 | Tham chiếu TCVN<br>11930:2017 | Trạng thái   | Thuyết minh phương án |
| <b>YÊU CẦU KỸ THUẬT</b>         |   |              |                               |              |                       |
| Bảo đảm an toàn mạng            |   |              |                               |              |                       |
| Thiết kế hệ thống               |   |              |                               |              |                       |
| 1.1.1.                          | Thiết kế các vùng mạng trong hệ thống theo chức năng: Vùng nội bộ;  |              | Điểm a Mục 7.2.1.1            | Chưa đáp ứng |                       |
| 1.1.1.                          | Thiết kế các vùng mạng trong hệ thống theo chức năng: Vùng biên;  |              | Điểm a Mục 7.2.1.1            | Chưa đáp ứng |                       |
| 1.1.1.                          | Thiết kế các vùng mạng trong hệ thống theo chức năng: Vùng DMZ;   |              | Điểm a Mục 7.2.1.1            | Chưa đáp ứng |                       |
| 1.1.1.                          | Thiết kế các vùng mạng trong hệ thống theo chức năng: Vùng máy chủ nội bộ   |              | Điểm a Mục 7.2.1.1            | Chưa đáp ứng |                       |
| 1.1.1.                          | Thiết kế các vùng mạng trong hệ thống theo chức năng: Vùng không dây (nếu có) tách riêng, độc lập với các vùng mạng khác; |              | Điểm a Mục 7.2.1.1            | Chưa đáp ứng |                       |
| 1.1.1.                          | Thiết kế các vùng mạng trong hệ thống theo chức năng: Vùng máy chủ cơ sở dữ liệu;   |              | Điểm a Mục 7.2.1.1            | Chưa đáp ứng |                       |
| 1.1.1.                          | Thiết kế các vùng mạng trong hệ thống theo chức năng: Vùng quản trị;  |              | Điểm a Mục 7.2.1.1            | Chưa đáp ứng |                       |
| 1.1.2.1.                        | Phương án quản lý truy cập, quản trị hệ thống từ xa an toàn   |              | Điểm b Mục 7.2.1.1            | Chưa đáp ứng |                       |
| 1.1.2.2.                        | Phương án quản lý truy cập giữa các vùng mạng và phòng chống xâm nhập   |              | Điểm b Mục 7.2.1.1            | Chưa đáp ứng |                       |
| 1.1.2.3.                        | Phương án cân bằng tải, dự phòng nóng cho các thiết bị mạng chính   |              | Điểm b Mục 7.2.1.1            | Chưa đáp ứng |                       |

Hình 44: Màn danh sách Yêu cầu kỹ thuật Phương án đảm bảo an toàn HTTT

**Bước 2:** Người dùng có thể cập nhật từng tiêu chí đáp ứng của HTTT

| Yêu cầu kỹ thuật (Đáp ứng 0/99) |   |              |                               |              |  |
|---------------------------------|---|--------------|-------------------------------|--------------|--|
| STT                             | Tiêu chí  | Đáp ứng 0/46 | Tham chiếu TCVN<br>11930:2017 | Trạng thái   | Thuyết minh phương án  |
| <b>YÊU CẦU KỸ THUẬT</b>         |   |              |                               |              |  |
| Bảo đảm an toàn mạng            |   |              |                               |              |  |
| Thiết kế hệ thống               |   |              |                               |              |  |
| 1.1.1.                          | Thiết kế các vùng mạng trong hệ thống theo chức năng: Vùng nội bộ;  |              | Điểm a Mục 7.2.1.1            | Chưa đáp ứng | Đổi với tiêu chí Chưa đáp ứng, thuyết minh phương án bổ sung và thời gian hoàn thiện |
| 1.1.1.                          | Thiết kế các vùng mạng trong hệ thống theo chức năng: Vùng biên;  |              | Điểm a Mục 7.2.1.1            | Chưa đáp ứng | Đổi với tiêu chí Chưa đáp ứng, thuyết minh phương án bổ sung và thời gian hoàn thiện |
| 1.1.1.                          | Thiết kế các vùng mạng trong hệ thống theo chức năng: Vùng DMZ;   |              | Điểm a Mục 7.2.1.1            | Chưa đáp ứng | Đổi với tiêu chí Chưa đáp ứng, thuyết minh phương án bổ sung và thời gian hoàn thiện |
| 1.1.1.                          | Thiết kế các vùng mạng trong hệ thống theo chức năng: Vùng máy chủ nội bộ   |              | Điểm a Mục 7.2.1.1            | Chưa đáp ứng | Đổi với tiêu chí Chưa đáp ứng, thuyết minh phương án bổ sung và thời gian hoàn thiện |
| 1.1.1.                          | Thiết kế các vùng mạng trong hệ thống theo chức năng: Vùng không dây (nếu có) tách riêng, độc lập với các vùng mạng khác; |              | Điểm a Mục 7.2.1.1            | Chưa đáp ứng | Đổi với tiêu chí Chưa đáp ứng, thuyết minh phương án bổ sung và thời gian hoàn thiện |
| 1.1.1.                          | Thiết kế các vùng mạng trong hệ thống theo chức năng: Vùng máy chủ cơ sở dữ liệu;   |              | Điểm a Mục 7.2.1.1            | Chưa đáp ứng | Đổi với tiêu chí Chưa đáp ứng, thuyết minh phương án bổ sung và thời gian hoàn thiện |
| 1.1.1.                          | Thiết kế các vùng mạng trong hệ thống theo chức năng: Vùng quản trị;  |              | Điểm a Mục 7.2.1.1            | Chưa đáp ứng | Đổi với tiêu chí Chưa đáp ứng, thuyết minh phương án bổ sung và thời gian hoàn thiện |
| 1.1.2.1.                        | Phương án quản lý truy cập, quản trị hệ thống từ xa an toàn   |              | Điểm b Mục 7.2.1.1            | Chưa đáp ứng | Đổi với tiêu chí Chưa đáp ứng, thuyết minh phương án bổ sung và thời gian hoàn thiện |

Hình 45: Màn cập nhật Phương án triển khai

- “**Trạng thái**”: Chọn trạng thái đáp ứng tiêu chí
- “**Ngày dự kiến**”: Nếu chưa đáp ứng, chọn thời gian dự kiến
- “**Phương án**”: Ghi chú về thông tin phương án

**Bước 3:** Chọn nút để lưu lại danh sách thông tin tiêu chí đã cập nhật

## e) Cấu hình

### Đơn vị vận hành

**Mục đích:** Hiện thị danh sách đơn vị vận hành HTTT của đơn vị

















Tại màn danh sách đơn vị vận hành người dùng có thể tìm kiếm theo tên

chọn

### Thao tác:

**Bước 1:** Từ menu trái chọn **Đơn vị vận hành** để chuyển đến màn “**Danh sách đơn vị vận hành**”

**Bước 2:** Màn “**Danh sách đơn vị vận hành**” hiển thị danh sách đơn vị vận hành HTTT của đơn vị

| STT | TÊN ĐƠN VỊ                          | NGƯỜI ĐẠI DIỆN | CHỨC VỤ           | THAO TÁC  |
|-----|-------------------------------------|----------------|-------------------|---|
| 1   | Trung tâm CNTT                      | Đào Việt Ánh   | Phó Tổng Giám đốc |   |
| 2   | Trung tâm thông tin tin dụng        |                |                   |   |
| 3   | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch     |                |                   |   |
| 4   | Công ty Công nghệ thông tin VNPT    |                |                   |   |
| 5   | Sở Thông tin và Truyền thông        |                |                   |   |
| 6   | Đơn vị mới tets                     | Duyên          | Dev               |   |
| 7   | đơn vị test 2                       | Duyên          |                   |   |
| 8   | Sở Thông tin và Truyền thông Hà Nội |                |                   |   |

Hình 46: Màn danh sách đơn vị vận hành

**Bước 3:** Người dùng đơn vị có thể thêm mới thông tin đơn vị vận hành bằng cách di chuyển chuột sang tay phải màn hình chọn cập nhật thông tin đơn vị

**Thêm mới đơn vị vận hành** ×

|   |   |
|---|---|
| <p><b>Tên đơn vị *</b></p> <input type="text" value="Nhập tên đơn vị vận hành"/>  | <p><b>Địa chỉ</b></p> <input type="text" value="Nhập địa chỉ đơn vị"/>          |
| <p><b>Người đại diện</b></p> <input type="text" value="Nhập tên người đại diện"/>   | <p><b>Cấp hành chính *</b></p> <input type="text" value="Chọn cấp hành chính"/> |
| <p><b>Chức vụ</b></p> <input type="text" value="Nhập chức vụ"/>   | <p><b>Tỉnh/Thành phố</b></p> <input type="text" value="Chọn Tỉnh/Thành phố"/>   |
| <p><b>Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn</b></p> <input style="width: 100%;" type="text" value="Nhập thông tin Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đơn vị"/> |   |
| <p><b>Số điện thoại</b></p> <input type="text" value="Nhập số điện thoại đơn vị"/>  |   |
| <p><b>Fax</b></p> <input type="text" value="Nhập số fax đơn vị"/>   |   |

Hình 47: Màn thêm mới đơn vị vận hành

- “**Tên đơn vị**”: Nhập tên đơn vị vận hành
- “**Người đại diện**”: Người đại diện đơn vị
- “**Chức vụ**”: Chức vụ người đại diện

- “Quy định”: Quy định đơn vị
- “Chức năng”: Chức năng của đơn vị vận hành
- “Nhiệm vụ”: Nhiệm vụ của đơn vị vận hành
- “Số điện thoại”: Nhập số điện thoại
- “Fax”: Nhập số fax
- “Địa chỉ”: Nhập địa chỉ đơn vị vận hành
- “Cấp hành chính”: Chọn cấp cơ quan của đơn vị vận hành

**Bước 4:** Nhập các thông tin chỉnh sửa và chọn **Lưu** để lưu thông tin

### Tài khoản đơn vị vận hành

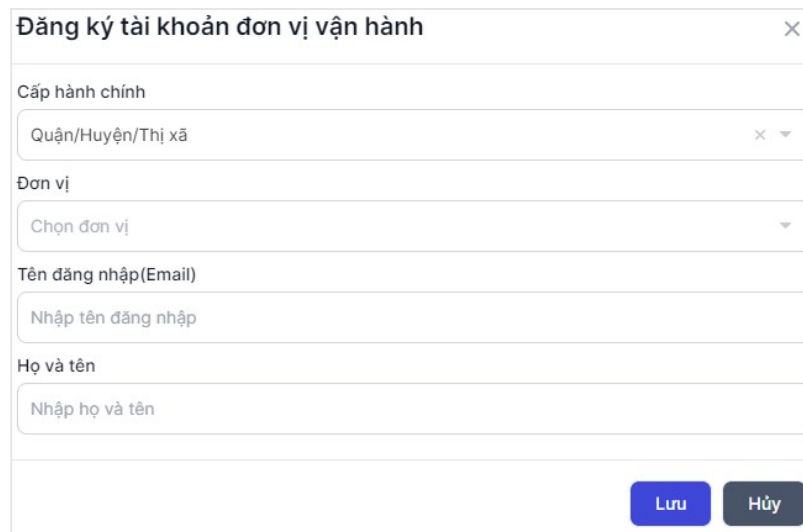
**Mục đích:** Hiện thị danh sách các tài khoản của đơn vị vận hành thuộc cơ quan chủ quản

### Thao tác:

**Bước 1:** Từ menu trái chọn **Tài khoản đơn vị vận hành** để chuyển đến màn “**Danh sách tài khoản đơn vị vận hành**”

**Bước 2:** Người dùng đơn vị chuyên trách có thể tra cứu thông tin, thêm mới, cập nhật thông tin tài khoản các đơn vị vận hành trực thuộc.

**Bước 3:** Để thêm mới “Tài khoản”, người dùng chọn **+ Tạo mới** ở phía bên phải.



Hình 48: Màn đăng ký tài khoản đơn vị vận hành

- “**Cấp hành chính**”: Chọn cấp cơ quan đơn vị vận hành
- “**Đơn vị**”: Chọn đơn vị vận hành theo cấp hành chính
- “**Tên đăng nhập(Email)**”: Nhập email của đơn vị vận hành
- “**Họ tên**” : Nhập tên đơn vị vận hành



**Bước 4: Chọn [Lưu](#) để lưu thông tin****f) Tài liệu - Hỏi đáp****Tài liệu**

**Mục đích:** Hiện thị danh sách tài liệu quy phạm pháp luật, tài liệu hướng dẫn

**Thao tác:**

**Bước 1:** Từ menu trái chọn [Tài liệu](#) để chuyển đến màn “Tài liệu”

**Bước 2:** Màn “Tài liệu” hiện thị danh sách các tài liệu liên quan, được chia thành các nhóm: Văn bản quy phạm pháp luật, Hướng dẫn sử dụng, Hồ sơ đề xuất cấp độ, Biểu mẫu công văn

| Văn bản quy phạm pháp luật  |  |                           |
|---|--|---------------------------|
| Căn cứ  | Trích yếu  | Tải xuống                 |
| Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 26/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ                 | Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 26/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ  | <a href="#">Tải xuống</a> |
| Công văn số 1598/BTTTT-CATT ngày 28/4/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông | Công văn số 1598/BTTTT-CATT ngày 28/4/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông  | <a href="#">Tải xuống</a> |
| Công văn số 652/BTTTT-CATT ngày 28/02/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông | Về việc hướng dẫn triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm về an toàn thông tin mạng trong năm 2023.   | <a href="#">Tải xuống</a> |
| Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12 tháng 8 năm 2022                       | Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ | <a href="#">Tải xuống</a> |
| Luật An toàn thông tin mạng   | Luật số 86/2015/QH13 ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Quốc hội  | <a href="#">Tải xuống</a> |
| Nghị định 85/2016/NĐ-CP   | Nghị định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ  | <a href="#">Tải xuống</a> |
| Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2022                               | Chỉ thị về phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia  | <a href="#">Tải xuống</a> |
| Công văn số 652/BTTTT-CATT  | Về việc hướng dẫn triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm về an toàn thông tin mạng trong năm 2023  | <a href="#">Tải xuống</a> |
| Hướng dẫn sử dụng   |  |                           |
| Căn cứ  | Trích yếu  | Tải xuống                 |
| Hồ sơ đề xuất cấp độ  |  |                           |
| Căn cứ  | Trích yếu  | Tải xuống                 |
| Mẫu Hồ sơ đề xuất cấp độ 1  | Tài liệu hướng dẫn xác định cấp độ và xây dựng Hồ sơ đề xuất cấp độ 1  | <a href="#">Tải xuống</a> |
| Mẫu Hồ sơ đề xuất cấp độ 2  | Tài liệu hướng dẫn xác định cấp độ và xây dựng Hồ sơ đề xuất cấp độ 2  | <a href="#">Tải xuống</a> |
| Mẫu Hồ sơ đề xuất cấp độ 3  | Tài liệu hướng dẫn xác định cấp độ và xây dựng Hồ sơ đề xuất cấp độ 3  | <a href="#">Tải xuống</a> |
| Tài liệu hướng dẫn xác định cấp độ và xây dựng Hồ sơ đề xuất cấp độ 4       | Tài liệu hướng dẫn xác định cấp độ và xây dựng Hồ sơ đề xuất cấp độ 4  | <a href="#">Tải xuống</a> |

*Hình 49: Màn danh tài liệu công văn*

**Bước 3:** Người dùng đơn vị có thể tải các tài liệu để tham khảo

**Hỏi đáp**

**Mục đích:** Hiện thị danh sách các câu hỏi về các chủ đề liên quan trong hệ thống

**Thao tác:**

**Bước 1:** Từ menu trái chọn [Hỏi đáp](#) để chuyển đến màn “Hỏi đáp theo chủ đề”

**Hỏi đáp theo chủ đề** Tìm kiếm...

Tất cả Văn bản Chủ thể liên quan Báo cáo thống kê Xây dựng HSDXCD

**Câu hỏi:**  
Người dùng ẩn danh

**Trả lời:**  
Trả lời  
👍 4

**Câu hỏi:** Trách nhiệm của Đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin?  
**Trả lời:**  
là đơn vị có chức năng, nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin của chủ quản hệ thống thông tin.  
👍

**Câu hỏi:** Trách nhiệm của Đơn vị vận hành hệ thống thông tin?  
👍

**Câu hỏi:** Tôi muốn hỏi Quy định về bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ ở VBQPPL nào?  
👍

**Câu hỏi:** Hồ sơ đề xuất cấp độ gồm bao nhiêu phần?  
**Trả lời:**  
Gồm 3 Phần chính: Tổng quan, Đề xuất cấp độ, Thuyết minh phương án bảo đảm ATTT  
👍

Hình 50: Màn danh sách câu hỏi theo chủ đề

**Bước 2:** Người dùng đơn vị có thể lọc câu hỏi theo chủ đề hoặc tìm kiếm theo từ khóa

**Bước 3:** Để thêm mới “Tài khoản”, người dùng chọn + Tạo mới ở phía bên phải.

**Đặt câu hỏi**

Chủ đề  
Chọn chủ đề

Ẩn danh

Nội dung câu hỏi

Gửi Đóng

Hình 51: Màn đăng ký câu hỏi

- g) “**Chủ đề**”: Chọn chủ đề cần hỏi
- h) “**Ẩn danh**”: Chọn nếu muốn hỏi ẩn danh
- i) “**Nội dung câu hỏi**” : Nhập vấn đề cần hỏi

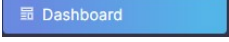
**Bước 4:** Chọn Gửi để gửi thông tin câu hỏi lên hệ thống

## 2.2. Đối với tài khoản Đơn vị vận hành

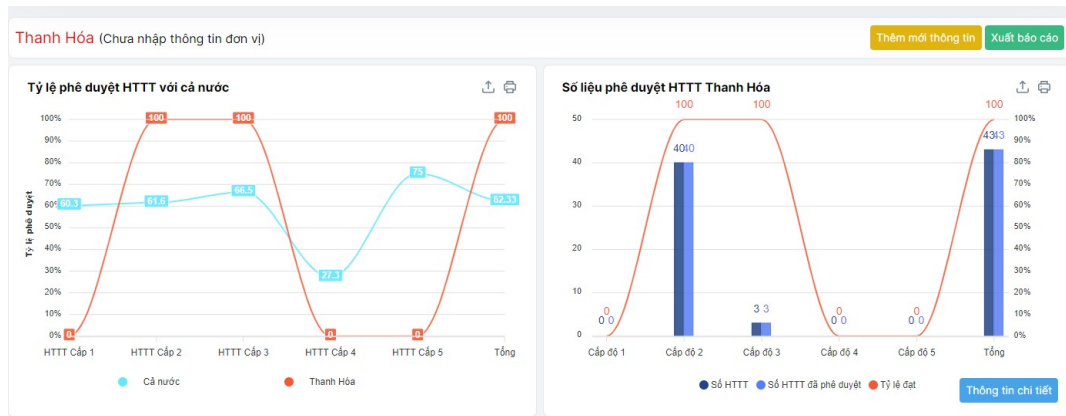
### a) Chức năng Thống kê

**Mục đích:** Để người dùng có thể nắm bắt được thông tin số liệu, tỷ lệ phê duyệt HTTT qua những biểu đồ thống kê.

#### Thao tác:

**Bước 1:** Từ menu trái chọn  để chuyển đến màn “**Biểu đồ thống kê HTTT**”

**Bước 2:** Màn “**Biểu đồ thống kê HTTT**” hiển thị thống kê tỷ lệ phê duyệt, số liệu phê duyệt HTTT với cả nước



Hình 4: Màn biểu đồ thống kê số liệu HTTT

**Bước 3:** Có thể Thêm thông tin cơ quan chủ quản

### Thêm thông tin cơ quan chủ quản ×

Tên cơ quan  
**Bảo hiểm Xã hội Việt Nam**

Người đại diện

Chức vụ

Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

Số điện thoại

Fax

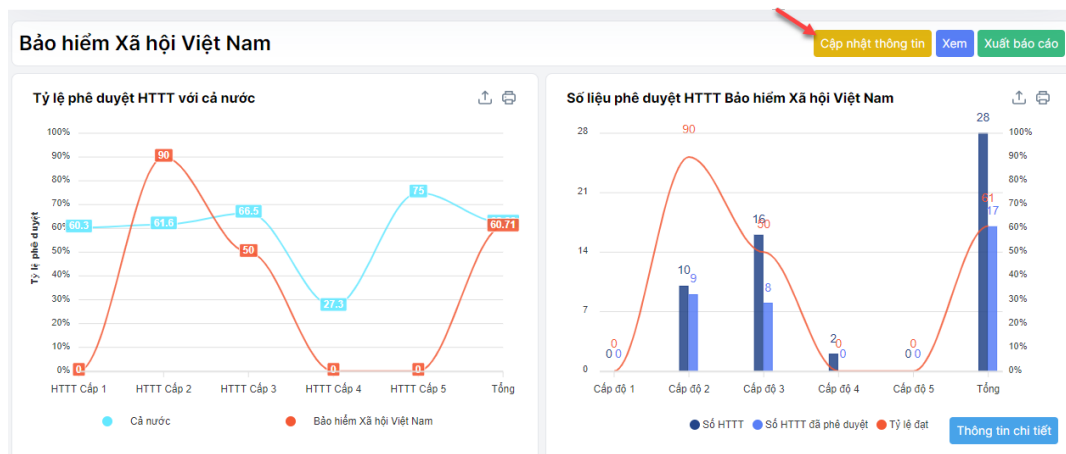
Địa chỉ

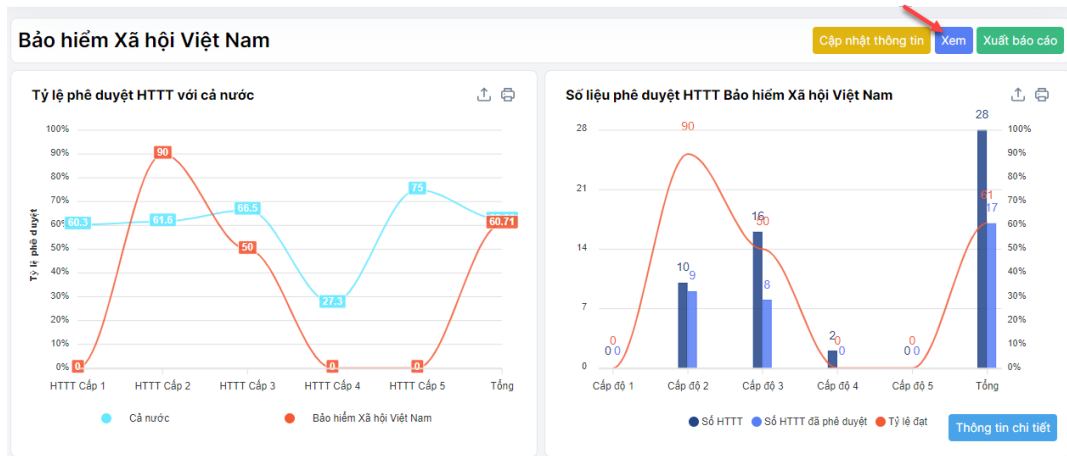
Lưu lại
Hủy

Hình 5: Màn nhập thông tin đơn vị chủ quản

Điền thông tin đầy đủ xong chọn lưu lại để lưu thông tin vừa nhập

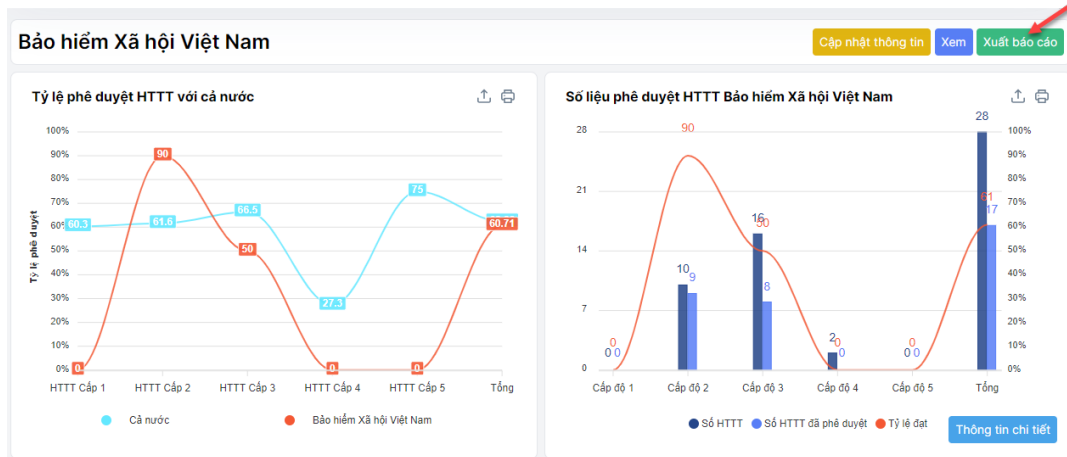
**Bước 4:** Sau khi nhập xong thông tin người dùng có thể cập nhật bằng cách chọn: “Cập nhật thông tin”





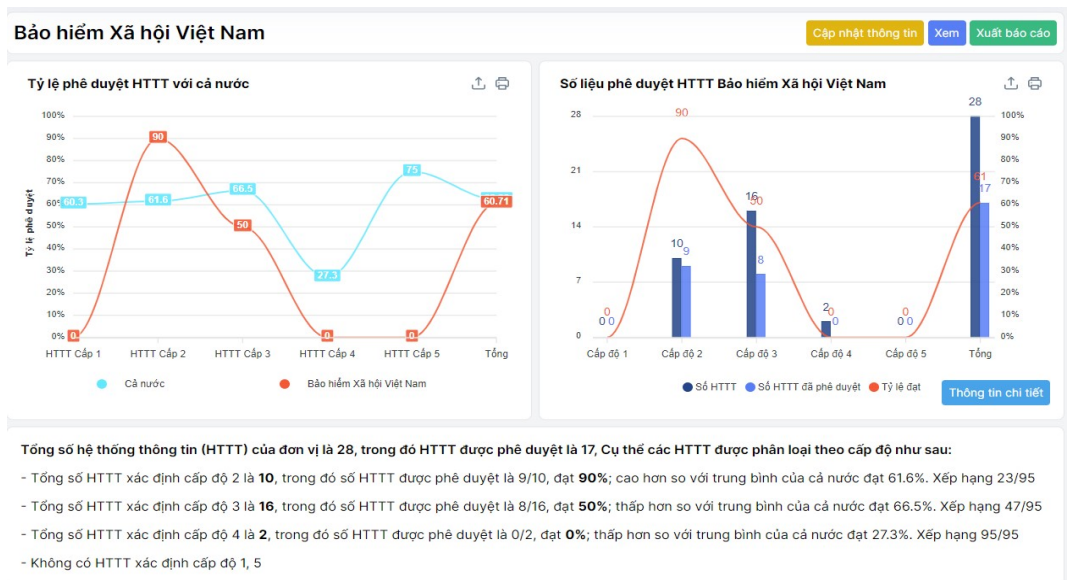
Hình 7: Màn biểu đồ thống kê số liệu HTTT

Người dùng cũng có thể xuất thông tin bằng cách Xuất báo cáo



Hình 8: Màn biểu đồ thống kê số liệu HTTT

**Bước 5:** Chọn Thông tin chi tiết thông tin chi tiết số liệu phê duyệt HTTT sẽ được hiển thị đầy đủ bên dưới



Hình 9: Màn biểu đồ thống kê số liệu HTTT

## b) Chức năng Báo cáo, thống kê

Chức năng cho phép người dùng tạo mới, gửi và quản lý danh sách các số liệu hệ thống thông tin đã thống kê

### Báo cáo số liệu

**Mục đích:** Hiển thị thống kê số lượng HTTT trong đơn vị, tình trạng báo cáo theo các kỳ của đơn vị. Người dùng các đơn vị có thể gửi báo cáo số liệu HTTT lên cục ATTT phụ trách

### Thao tác:

**Bước 1:** Từ menu trái chọn **Báo cáo** để chuyển đến màn “Báo cáo số liệu hệ thống thông tin”

**Bước 2:** Màn “**Báo cáo số liệu hệ thống thông tin**” hiển thị thống kê số liệu HTTT trong đơn vị danh sách HTTT trong đơn vị.

The screenshot displays a web interface for reporting. At the top, there are tabs for 'Báo cáo' (Reporting) and 'Thống kê' (Statistics), with a 'Không có thay đổi' (No changes) indicator. Below the tabs, a summary table shows reporting data for the period 03/2024. A 'Cập nhật báo cáo' (Update report) button is visible. The main part of the interface is a detailed table listing units and their reporting status across five levels of information systems.

| Thống kê số liệu hệ thống thông tin trong đơn vị |                             |          |                             |          |                             |          |                             |          |                             |          |                    |                   |
|--|-----------------------------|----------|-----------------------------|----------|-----------------------------|----------|-----------------------------|----------|-----------------------------|----------|--------------------|-------------------|
| Kỳ báo cáo                                       | Hệ thống thông tin cấp độ 1 |          | Hệ thống thông tin cấp độ 2 |          | Hệ thống thông tin cấp độ 3 |          | Hệ thống thông tin cấp độ 4 |          | Hệ thống thông tin cấp độ 5 |          | Tình trạng báo cáo | Thời gian báo cáo |
|  | Tổng số                     | Đã duyệt | Tổng số                     | Đã duyệt | Tổng số                     | Đã duyệt | Tổng số                     | Đã duyệt | Tổng số                     | Đã duyệt |                    |                   |
| 03/2024  | 0                           | 0        | 8                           | 8        | 5                           | 2        | 1                           | 0        | 2                           | 2        | Chưa báo cáo       |                   |

| Thống kê số liệu hệ thống thông tin theo đơn vị vận hành |                            |                             |              |                             |          |                             |          |                             |          |                             |          |              |          |
|--|----------------------------|-----------------------------|--------------|-----------------------------|----------|-----------------------------|----------|-----------------------------|----------|-----------------------------|----------|--------------|----------|
| STT  | Đơn vị vận hành            | Hệ thống thông tin cấp độ 1 |              | Hệ thống thông tin cấp độ 2 |          | Hệ thống thông tin cấp độ 3 |          | Hệ thống thông tin cấp độ 4 |          | Hệ thống thông tin cấp độ 5 |          | Trạng thái   | Thao tác |
|  |                            | Tổng số                     | Đã duyệt     | Tổng số                     | Đã duyệt | Tổng số                     | Đã duyệt | Tổng số                     | Đã duyệt | Tổng số                     | Đã duyệt |              |          |
|  |                            | 1                           | Vụ Bưu chính | 0                           | 0        | 0                           | 0        | 0                           | 0        | 0                           | 0        |              |          |
| 2  | Vụ Khoa học và Công nghệ   | 0                           | 0            | 0                           | 0        | 0                           | 0        | 0                           | 0        | 0                           | 0        | Chưa báo cáo | Nhắc     |
| 3  | Vụ Kế hoạch – Tài chính    | 0                           | 0            | 0                           | 0        | 0                           | 0        | 0                           | 0        | 0                           | 0        | Chưa báo cáo | Nhắc     |
| 4  | Vụ Kinh tế số và Xã hội số | 0                           | 0            | 0                           | 0        | 0                           | 0        | 0                           | 0        | 0                           | 0        | Chưa báo cáo | Nhắc     |
| 5  | Vụ Hợp tác quốc tế         | 0                           | 0            | 0                           | 0        | 0                           | 0        | 0                           | 0        | 0                           | 0        | Chưa báo cáo | Nhắc     |

Hình 10: Màn thống kê số liệu HTTT và danh sách HTTT trong đơn vị

**Bước 3:** Chọn **Cập nhật báo cáo** để gửi số liệu báo cáo lên đơn vị phụ trách (Cục ATTT)

**Bước 4:** Nếu kỳ báo cáo không có thay đổi so với kỳ trước, chọn **Không có thay đổi** để gửi báo

cáo. Số liệu được tính tự động theo danh sách HTTT của đơn vị. Chọn **Gửi báo cáo** để gửi số liệu báo cáo lên đơn vị phụ trách (Cục ATTT)

**Báo cáo số lượng hệ thống thông tin trong đơn vị**
×

---

Kỳ báo cáo

05-2023
📅

|  |   |
|--|---|
| Số hệ thống cấp 1 đã duyệt                         | Tổng số hệ thống cấp 1                              |
| <input style="width: 90%;" type="text" value="0"/> | <input style="width: 90%;" type="text" value="0"/>  |
| Số hệ thống cấp 2 đã duyệt                         | Tổng số hệ thống cấp 2                              |
| <input style="width: 90%;" type="text" value="9"/> | <input style="width: 90%;" type="text" value="10"/> |
| Số hệ thống cấp 3 đã duyệt                         | Tổng số hệ thống cấp 3                              |
| <input style="width: 90%;" type="text" value="7"/> | <input style="width: 90%;" type="text" value="15"/> |
| Số hệ thống cấp 4 đã duyệt                         | Tổng số hệ thống cấp 4                              |
| <input style="width: 90%;" type="text" value="2"/> | <input style="width: 90%;" type="text" value="2"/>  |
| Số hệ thống cấp 5 đã duyệt                         | Tổng số hệ thống cấp 5                              |
| <input style="width: 90%;" type="text" value="0"/> | <input style="width: 90%;" type="text" value="0"/>  |

Gửi báo cáo
Đóng

Hình 11: Màn hình họa báo cáo không có thay đổi

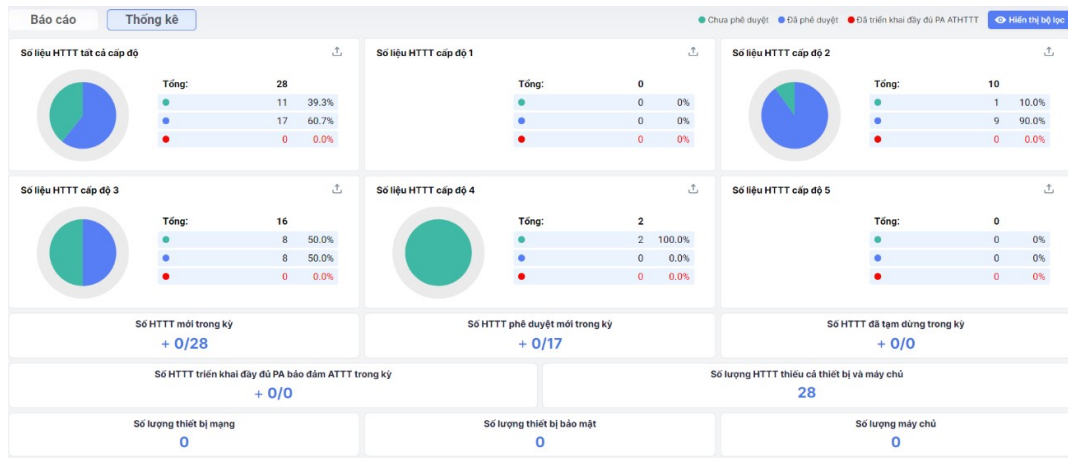
### **Thống kê đơn vị**

**Mục đích:** Cung cấp thông tin thống kê số lượng, thiết bị, máy chủ, phê duyệt mới, triển khai HTTT trong đơn vị

#### **Thao tác:**

**Bước 1:** Từ menu trái chọn 📄 Thống kê đơn vị để chuyển đến màn “**Thống kê hệ thống thông tin**”

**Bước 2:** Màn “**Thống kê hệ thống thông tin**” hiển thị thống kê , số liệu HTTT trong đơn vị.



Hình 12: Màn thống kê HTTT.

### c) Quản lý hệ thống thông tin

#### Danh sách hệ thống thông tin

**Mục đích:** Chức năng này giúp người dùng xem tổng thể danh sách HTTT trong đơn vị, tìm kiếm HTTT theo tên hoặc theo cấp độ HTTT

#### Thao tác:

**Bước 1:** Từ màn hình “Quản lý người dùng” chọn nút [Quản lý HTTT](#) để chuyển đến màn danh sách HTTT

**Bước 2:** Tại màn hình “Danh sách hệ thống thông tin” hiển thị tổng thể danh sách HTTT trong đơn vị.

| STT | Đơn vị vận hành                                     | Tên hệ thống  | Cấp độ | Phê duyệt | Tiêu chí quản lý | Tiêu chí kỹ thuật | Thao tác    |
|-----|---|---|--------|-----------|------------------|-------------------|-------------|
| 1   | Cục Bưu điện Trung ương                             | Hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp 1  | 5      | ✓         | -                | -                 | [i] [e] [d] |
| 2   | Cục Bưu điện Trung ương                             | Mạng điện báo Hệ đặc biệt   | 5      | ✓         | -                | -                 | [i] [e] [d] |
| 3   | Cục Bưu điện Trung ương                             | Hệ thống họp trực tuyến cho cơ quan nhà nước  | 4      | ✗         | -                | -                 | [i] [e] [d] |
| 4   | Báo VietnamNet                                      | Hệ tăng chuyển biệt phục vụ tác nghiệp và hoạt động báo chí   | 3      | ✓         | -                | -                 | [i] [e] [d] |
| 5   | Cục Chuyển đổi số quốc gia                          | Hệ thống PC-Covid   | 3      | ✓         | -                | -                 | [i] [e] [d] |
| 6   | Tổng công ty Truyền thông đa phương tiện - VTC      | Hệ thống thông tin Game Online  | 3      | ✗         | -                | -                 | [i] [e] [d] |
| 7   | Tổng công ty Truyền thông đa phương tiện - VTC      | Hệ thống thông tin Website media  | 3      | ✗         | -                | -                 | [i] [e] [d] |
| 8   | Cục Bưu điện Trung ương                             | Mạng điện rộng phục vụ hoạt động của Cục BDTW   | 3      | ✗         | -                | -                 | [i] [e] [d] |
| 9   | Cục An toàn thông tin                               | Hệ thống Đồng thông tin và Thư điện tử  | 2      | ✓         | -                | -                 | [i] [e] [d] |
| 10  | Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp không gian mạng Việt Nam | Hệ thống đánh giá, kiểm định an toàn thông tin  | 2      | ✓         | -                | -                 | [i] [e] [d] |
| 11  | Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp không gian mạng Việt Nam | Hệ thống giám sát các sự cố an toàn mạng và hỗ trợ theo dõi, phân tích sự cố, tấn công an toàn thông tin mạng | 2      | ✓         | 41/42            | 32/51             | [i] [e] [d] |
| 12  | Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp không gian mạng Việt Nam | Hệ thống nghiệp vụ  | 2      | ✓         | -                | -                 | [i] [e] [d] |
| 13  | Cục Thông tin cơ sở                                 | Hệ thống phần mềm quản lý dữ liệu nghiệp vụ thông tin cơ sở   | 2      | ✓         | -                | -                 | [i] [e] [d] |
| 14  | Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp không gian mạng Việt Nam | Hệ thống phòng, chống, ngăn chặn thư rác  | 2      | ✓         | -                | -                 | [i] [e] [d] |

Hình 13: Màn danh sách hệ thống thông tin

- Người dùng có thể lọc danh sách HTTT theo các cấp độ hệ thống, đơn vị vận hành, trạng thái phê duyệt, thông tin hiện trạng, tình trạng triển khai đầy đủ phương án ATHTT, hoặc tra cứu theo tên HTTT

Chọn cấp hành chính(4) | Chọn cấp độ hệ thống(5) | Chọn vị trí triển khai...(3) | Chọn loại từ khóa(4)

Chọn đơn vị vận hành(36) | Chọn trạng thái phê duyệt(2) | Tìm kiếm theo từ khóa...




Chọn thông tin hiện trạng(3) | Thao tác

Chọn tình trạng triển khai PA ATHTT(2) | [i] [e] [d]

[i] [e] [d] | [i] [e] [d]



Hình 14: Mục tra cứu danh sách hệ thống thông tin

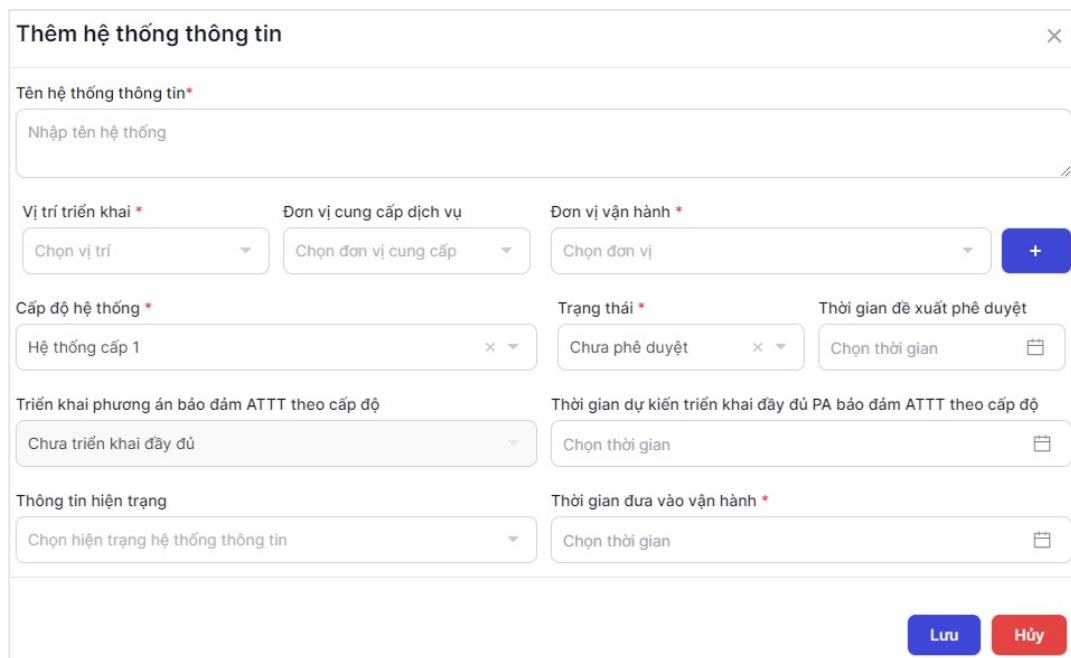
- Người dùng cũng có thể xem thông tin chi tiết HTTT, chọn  để cập nhật thông tin HTTT hoặc chọn  để chuyển HTTT sang danh sách dừng vận hành, hoặc  để vận hành lại HTTT

### Thêm mới hệ thống thông tin

**Mục đích:** Chức năng này giúp người dùng thêm mới HTTT

#### Thao tác:

**Bước 1:** Từ menu bên trái chọn [Danh mục Hệ thống](#), người dùng di chuyển sang tay phải màn hình chọn [+ Tạo mới](#) để người dùng nhập các thông tin về HTTT cần tạo



The screenshot shows a form titled "Thêm hệ thống thông tin" (Add Information System) with the following fields and options:


- Tên hệ thống thông tin\***: Nhập tên hệ thống (Information system name)
- Vị trí triển khai\***: Chọn vị trí (Deployment location)
- Đơn vị cung cấp dịch vụ**: Chọn đơn vị cung cấp (Service provider)
- Đơn vị vận hành\***: Chọn đơn vị (Operating unit)
- Cấp độ hệ thống\***: Hệ thống cấp 1 (System level)
- Trạng thái\***: Chưa phê duyệt (Status)
- Thời gian đề xuất phê duyệt**: Chọn thời gian (Approval time)
- Triển khai phương án bảo đảm ATTT theo cấp độ**: Chưa triển khai đầy đủ (ATTT implementation plan)
- Thời gian dự kiến triển khai đầy đủ PA bảo đảm ATTT theo cấp độ**: Chọn thời gian (ATTT implementation plan)
- Thông tin hiện trạng**: Chọn hiện trạng hệ thống thông tin (Current information)
- Thời gian đưa vào vận hành\***: Chọn thời gian (Operational time)

Buttons: Lưu (Save), Hủy (Cancel)

Hình 15: Màn thêm mới hệ thống thông tin

- **“Tên hệ thống thông tin”**: Nhập tên của HTTT
- **“Vị trí triển khai”**: Nhập vị trí triển khai hệ thống (Tại cơ sở hoặc thuê dịch vụ)
- **“Đơn vị cung cấp dịch vụ”**: chọn đơn vị cung cấp nếu hệ thống triển khai tại doanh nghiệp
- **“Đơn vị vận hành”**: Nhập tên đơn vị vận hành hệ thống
- **“Cấp độ hệ thống”**: Chọn cấp độ của hệ thống
- **“Trạng thái”**: Nhập trạng thái phê duyệt hệ thống


- “**Thời gian đề xuất**”: Nhập thời gian đề xuất nếu hệ thống chưa phê duyệt
- “**Thời gian dự kiến triển khai đầy đủ PA ATTT**”: Nhập thời gian dự kiến
- “**Thông tin hiện trạng** ”: Chọn hiện trạng hệ thống thông tin
- “**Thời gian đưa vào vận hành**”: Người dùng chọn thời gian bắt đầu sử dụng hệ thống

**Bước 3:** Chọn  để lưu thông tin HTTT vừa nhập

### **Cập nhật hệ thống thông tin**

**Mục đích:** Chức năng này giúp người dùng cập nhật thông tin hồ sơ đề xuất cấp độ của HTTT

#### **Thao tác:**

**Bước 1:** Từ danh sách HTTT di chuột sang tay phải màn hình chọn  để cập nhật thông tin về HTTT, hệ thống sẽ điều hướng sang màn hình xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ để người dùng tiến hành cập nhật



Chọn cách xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ

Tạo mới      Lấy từ Hồ sơ mẫu


*Hình 16: Màn hình cập nhật hệ thống thông tin*



























**Bước 2:** Chọn tạo mới hoặc sử dụng hồ sơ mẫu đã có để bắt đầu xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ

### **Chi tiết hệ thống thông tin**

**Mục đích:** Chức năng này giúp người dùng xem danh sách HTTT đã duyệt trong đơn vị, tìm kiếm HTTT theo tên hoặc theo cấp độ HTTT

#### **Thao tác:**

**Bước 1:** Từ danh sách HTTT, click chọn vào nút  của dòng HTTT để xem chi tiết thông tin về HTTT

| STT | Đơn vị vận hành                                     | Tên hệ thống  | Cấp độ | Phê duyệt | Tiêu chí quản lý | Tiêu chí kỹ thuật | Thao tác  |
|-----|---|---|--------|-----------|------------------|-------------------|---|
| 1   | Cục Bưu điện Trung ương                             | Hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp 1  | 5      | ✓         | -                | -                 |     |
| 2   | Cục Bưu điện Trung ương                             | Mạng điện báo Hệ đặc biệt   | 5      | ✓         | -                | -                 |     |
| 3   | Cục Bưu điện Trung ương                             | Hệ thống hợp trực tuyến cho cơ quan nhà nước  | 4      | ✗         | -                | -                 |    |
| 4   | Báo VietNamNet                                      | Hạ tầng chuyên biệt phục vụ tác nghiệp và hoạt động báo chí   | 3      | ✓         | -                | -                 |     |
| 5   | Cục Chuyển đổi số quốc gia                          | Hệ thống PC-Covid   | 3      | ✓         | -                | -                 |     |
| 6   | Tổng công ty Truyền thông đa phương tiện - VTC      | Hệ thống thông tin Game Online  | 3      | ✗         | -                | -                 |    |
| 7   | Tổng công ty Truyền thông đa phương tiện - VTC      | Hệ thống thông tin Website media  | 3      | ✗         | -                | -                 |    |
| 8   | Cục Bưu điện Trung ương                             | Mạng điện rộng phục vụ hoạt động của Cục BDTW   | 3      | ✗         | -                | -                 |    |
| 9   | Cục An toàn thông tin                               | Hệ thống Cổng thông tin và Thư điện tử  | 2      | ✓         | -                | -                 |     |
| 10  | Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp không gian mạng Việt Nam | Hệ thống đánh giá, kiểm định an toàn thông tin  | 2      | ✓         | -                | -                 |     |
| 11  | Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp không gian mạng Việt Nam | Hệ thống giám sát các sự cố an toàn mạng và hỗ trợ theo dõi, phân tích sự cố, tấn công an toàn thông tin mạng | 2      | ✓         | 41/42            | 32/51             |     |

Hình 17: Màn danh sách hệ thống thông tin

**Bước 2:** Màn thông tin chi tiết HTTT, người dùng có thể xem thông tin và cập nhật các tài liệu liên quan của HTTT

Tên hệ thống thông tin  
**Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục + Cơ sở dữ liệu giáo dục Mầm Non + Cơ sở dữ liệu giáo dục Phổ thông + Cơ sở dữ liệu giáo dục Thường Xuyên**

Đơn vị vận hành: **Cục Công nghệ thông tin.**      Vị trí triển khai

Cấp độ hệ thống: **Hệ thống cấp 3**      Trạng thái: **Đã phê duyệt**

[Xem thêm](#)

---

Tài liệu hệ thống [Thêm tài liệu](#)

| Loại tài liệu | Mô tả | Tải xuống |
|---------------|-------|-----------|
|               |       |           |


Hình 18: Màn chi tiết hệ thống thông tin

#### d) Hồ sơ đề xuất cấp độ

#### Xây dựng HSDXCD cho HTTT

**Mục đích:** Chức năng này giúp người dùng xây dựng hồ sơ đề xuất các cấp độ trong HTTT

#### Thao tác:

**Bước 1:** Từ màn danh sách HTTT chọn  để chuyển đến màn “Xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ”

**Bước 2 :** Màn “Xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ” hiển thị

**Xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ** Ấn phụ lục Xuat hồ sơ

I. Thông tin tổng quan về HTTT ⌵

II. Thuyết minh cấp độ đề xuất ⌵

III. Thuyết minh phương án bảo đảm an toàn HTTT Đáp ứng 73/93

**Yêu cầu quản lý (Đáp ứng 41/42)**

| STT                                      | Tiêu chí   | Đáp ứng 41/42 | Tham chiếu TCVN 11930:2017 | Trạng thái   | Thuyết minh phương án   |
|--|--|---------------|----------------------------|--------------|---|
| <b>YÊU CẦU QUẢN LÝ</b>                   |  |               |                            |              |   |
| Thiết lập chính sách an toàn thông tin   |  |               |                            |              |   |
| Chính sách an toàn thông tin             |  |               |                            |              |   |
| 1.1.1.                                   | Xây dựng chính sách ATTT gồm: - Quản lý an toàn mạng; - Quản lý an toàn máy chủ và ứng dụng; - Quản lý an toàn dữ liệu; - Quản lý an toàn thiết bị đầu cuối. |               | Điểm d Mục 6.1.1.1         | Chưa đáp ứng | <span style="border: 1px solid black; padding: 2px;">✎</span> |
| Xây dựng và công bố                      |  |               |                            |              |   |
| 1.2.1.                                   | Chính sách tổ chức/bộ phận được ủy quyền thông qua trước khi công bố áp dụng   |               | Điểm a Mục 6.1.1.2         | Đáp ứng      | <span style="border: 1px solid black; padding: 2px;">✎</span> |
| Rà soát, sửa đổi                         |  |               |                            |              |   |
| 1.3.1.                                   | Định kỳ 03 năm hoặc có thay đổi chính sách ATTT kiểm tra tính phù hợp và thực hiện rà soát, cập nhật, bổ sung  |               | Điểm a Mục 6.1.1.3         | Đáp ứng      | <span style="border: 1px solid black; padding: 2px;">✎</span> |
| Tổ chức bảo đảm an toàn thông tin        |  |               |                            |              |   |
| Đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin |  |               |                            |              |   |
| 2.1.1.                                   | Có bộ phận có trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin cho tổ chức  |               | Điểm a Mục 6.1.2.1         | Đáp ứng      | <span style="border: 1px solid black; padding: 2px;">✎</span> |

I. Thông tin tổng quan về HTTT

- Thông tin hệ thống
- Thông tin Chủ quản hệ thống thông tin
- Thông tin đơn vị vận hành
- Mô tả phạm vi quy mô
- Mô tả cấu trúc của hệ thống

II. Thuyết minh cấp độ đề xuất

- Danh mục hệ thống thông tin và cấp độ đề xuất
- Thuyết minh đề xuất cấp độ đối với hệ thống thông tin
- Quy chế bảo đảm an toàn thông tin kèm theo

III. Thuyết minh phương án bảo đảm an toàn HTTT

Yêu cầu quản lý

Yêu cầu kỹ thuật

Các tiêu chí cho thiết bị, máy chủ, ứng dụng/dịch vụ

- Bảo đảm an toàn mạng
- Bảo đảm an toàn máy chủ
- Bảo đảm an toàn ứng dụng

Hình 19: Màn xây dựng dự thảo hồ sơ đề xuất cấp độ

Người dùng thao tác nhấn nút ⌵ hoặc click các mục trên phụ lục để cập nhật thông tin của HTTT

### Mô tả phạm vi quy mô

**Mục đích:** Cập nhật phạm vi, quy mô của HTTT

### Thao tác:

**Bước 1:** Từ màn hình HSDXCĐ, tại mục 4. Mô tả phạm vi quy mô chọn

#### Cập nhật thông tin

Cập nhật phạm vi, quy mô hệ thống thông tin

| Phạm vi, quy mô của Hệ thống thông tin | Đối tượng phục vụ của hệ thống |
|--|--------------------------------|
| Phạm vi, quy mô của Hệ thống thông tin | Đối tượng phục vụ của hệ thống |

Lưu thông tin

Hình 20: Màn phạm vi, quy mô HTTT hồ sơ đề xuất cấp độ

**Bước 2:** Nhập thông tin và chọn Lưu thông tin

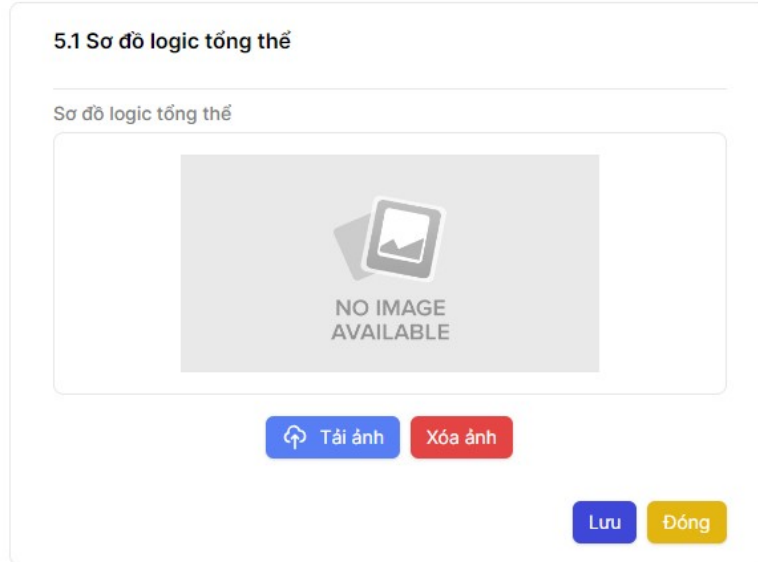
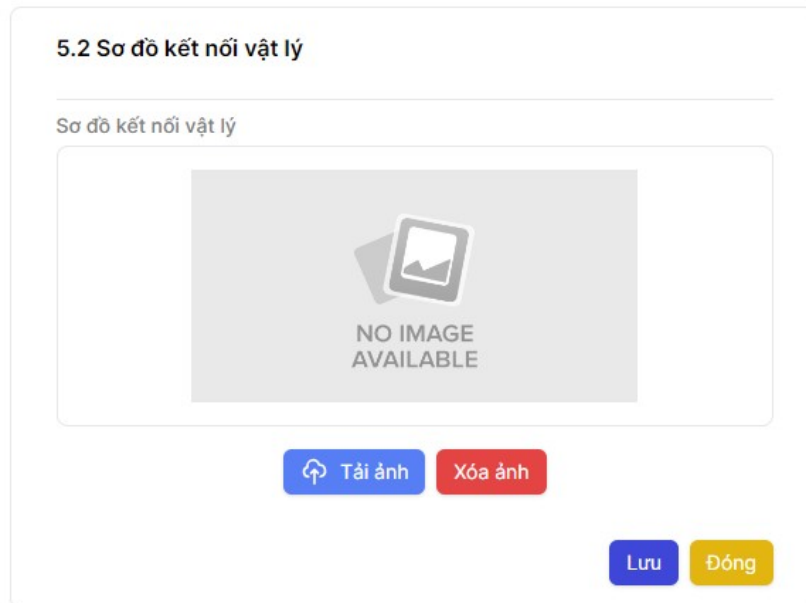
### Mô tả cấu trúc của hệ thống

**Mục đích:** Chức năng này giúp người dùng cập nhật các sơ đồ logic và sơ đồ kết nối vật lý của HTTT

### Thao tác:

**Bước 1:** Từ màn hình HSDXCĐ, tại mục 4. Mô tả phạm vi quy mô chọn

Cập nhật từng sơ đồ của hệ thống

**Bước 2:** Tải ảnh sơ đồ logic tổng thể của hệ thống và nhấn lưu*Hình 21: Màn hình sơ đồ logic tổng thể***Bước 3:** Tải ảnh sơ đồ kết nối vật lý của hệ thống và nhấn lưu*Hình 22: Màn hình sơ đồ kết nối vật lý***Thiết kế các vùng mạng**

**Mục đích:** Chức năng này giúp người dùng cập nhật danh sách các vùng mạng trong HTTT

**Thao tác:**

**Bước 1:** Từ màn hình HSDXCD, tại mục 5.3 Thiết kế các vùng mạng, chọn

**Thêm vùng mạng**

| 5.3 Thiết kế các vùng mạng |   |                   |          | Thêm vùng mạng |
|----------------------------|---|-------------------|----------|----------------|
| STT                        | Vùng mạng   | Mục đích thiết kế | Thao tác |                |
| 1                          | Vùng mạng nội bộ  |                   |          |                |
| 2                          | Vùng mạng biên  |                   |          |                |
| 3                          | Vùng DMZ  |                   |          |                |
| 4                          | Vùng máy chủ nội bộ   |                   |          |                |
| 5                          | Vùng mạng không dây (nếu có) tách riêng, độc lập với các vùng mạng khác |                   |          |                |
| 6                          | Khác  |                   |          |                |

Hình 23: Màn danh sách vùng mạng trong HTTT

## Bước 2: Chọn vùng mạng sử dụng và nhập mục đích sử dụng

| STT | Vùng mạng                 | Mục đích thiết kế      | Thao tác |
|-----|---------------------------|------------------------|----------|
|     | Chọn vùng mạng triển khai | Nhập mục đích thiết kế |          |

Hình 24: Màn thêm vùng mạng trong HTTT

- “**Vùng mạng**”: Chọn vùng mạng mới
- “**Mục đích thiết kế**”: Nhập thông tin mục đích

**Bước 3:** Chọn để lưu thông tin thiết bị vừa nhập

**Bước 4:** Người dùng cũng có thể chọn để sửa thông tin thiết bị, hoặc chọn để xóa thiết bị khỏi danh sách

## Danh mục thiết bị mạng/bảo mật sử dụng trong hệ thống

**Mục đích:** Chức năng này giúp người dùng cập nhật danh sách các thiết bị trong HTTT

### Thao tác:

**Bước 1:** Từ màn hình HSDXCD, tại mục 5.4.1 Danh mục thiết bị mạng/bảo mật sử dụng trong hệ thống hiển thị danh sách thiết bị mạng, thiết bị bảo mật được sử dụng trong HTTT

| 5.4.1 Danh sách thiết bị mạng/Thiết bị bảo mật |              |                    |                   |  |                              |          | Thêm thiết bị mạng | Thêm thiết bị bảo mật |
|--|--------------|--------------------|-------------------|--|------------------------------|----------|--------------------|-----------------------|
| STT  | Tên thiết bị | Chủng loại         | Vị trí triển khai | Mục đích sử dụng                                 | Dự phòng cho thiết bị        | Thao tác |                    |                       |
| 1  | Core02       | Switch Cisco       | Khác              | Thiết bị chuyển mạch lõi của hệ thống            | TB chính - Không có dự phòng |          |                    |                       |
| 2  | Core01       | Switch Cisco       | Khác              | Thiết bị chuyển mạch lõi của hệ thống            | TB chính - Không có dự phòng |          |                    |                       |
| 3  | FW02         | Firewalls Fortinet | Vùng mạng biên    | Quản lý truy cập vào/ra của vùng mạng người dùng | TB chính - Không có dự phòng |          |                    |                       |
| 4  | FW01         | Firewalls Fortinet | Vùng mạng biên    | Quản lý truy cập vào/ra của vùng mạng người dùng | TB chính - Không có dự phòng |          |                    |                       |
| 5  | SW02         | Switch Cisco       | Vùng mạng biên    | Thiết bị chuyển mạch của vùng mạng biên          | TB chính - Không có dự phòng |          |                    |                       |
| 6  | SW01         | Switch Cisco       | Vùng mạng biên    | Thiết bị chuyển mạch của vùng mạng biên          | TB chính - Không có dự phòng |          |                    |                       |
| 7  | R03          | Router Cisco       | Vùng mạng biên    | Kết nối 2 site và định tuyến tĩnh với nhà mạng   | TB chính - Không có dự phòng |          |                    |                       |

Hình 25: Màn danh sách thiết bị mạng, bảo mật trong HTTT

**Bước 2:** Người dùng có thể chọn thêm mới hoặc cập nhật các thiết bị trong HTTT

5.4.1 Danh sách thiết bị mạng/Thiết bị bảo mật Thêm thiết bị mạng Thêm thiết bị bảo mật

| STT | Tên thiết bị                                   | Chủng loại   | Vị trí triển khai         | Mục đích sử dụng                                   | Dự phòng cho thiết bị | Thao tác |
|-----|--|--|---------------------------|--|-----------------------|----------|
|     | <input type="text" value="Nhập tên thiết bị"/> | Chọn chủng loại thiết bị...<br>Chọn hãng thiết bị<br>Chọn dòng | Chọn vùng mạng triển khai | <input type="text" value="Nhập mục đích sử dụng"/> | Chọn thiết bị chính   |          |

Hình 26: Màn thêm mới thiết bị trong HTTT

- **“Tên thiết bị”**: Nhập tên của thiết bị
- **“Chủng loại”**: Chọn chủng loại thiết bị
- **“Hãng thiết bị”**: Chọn hãng thiết bị
- **“Model”**: Chọn dòng thiết bị theo hãng
- **“Vị trí triển khai”**: Nhập vị trí đặt thiết bị
- **“Mục đích sử dụng”**: Mục đích sử dụng của thiết bị
- **“Dự phòng cho thiết bị”**: Chọn thiết bị chính cần dự phòng(Nếu đang nhập thiết bị dự phòng)

**Bước 3:** Chọn để lưu thông tin thiết bị vừa nhập

**Bước 4:** Người dùng cũng có thể chọn để sửa thông tin thiết bị, hoặc chọn để xóa thiết bị khỏi danh sách

### Danh mục thiết bị máy chủ trong hệ thống

**Mục đích:** Chức năng này giúp người dùng cập nhật danh sách các thiết bị máy chủ trong HTTT

#### Thao tác:



**Bước 1:** Từ màn hình HSDXCĐ, tại mục 5.4.2 Danh mục thiết bị máy chủ sử dụng trong hệ thống hiển thị danh sách thiết bị máy chủ được sử dụng trong HTTT

5.4.2 Danh sách máy chủ Thêm máy chủ

| STT | Tên thiết bị | Chủng loại | Vị trí triển khai   | Mục đích sử dụng | Thao tác |
|-----|--------------|------------|---------------------|------------------|----------|
| 1   | Server08     | Server     | Vùng máy chủ nội bộ |                  |          |
| 2   | Server07     | Server     | Vùng máy chủ nội bộ |                  |          |
| 3   | Server06     | Server     | Vùng máy chủ nội bộ |                  |          |
| 4   | Server05     | Server     | Vùng máy chủ nội bộ |                  |          |
| 5   | Server04     | Server     | Vùng máy chủ nội bộ |                  |          |


Hình 27: Màn danh sách thiết bị máy chủ trong HTTT



**Bước 2:** Người dùng có thể chọn thêm mới hoặc cập nhật các thiết bị trong HTTT

| STT | Tên thiết bị                       | Chủng loại  | Vị trí triển khai         | Mục đích sử dụng      | Thao tác  |
|-----|------------------------------------|---|---------------------------|-----------------------|---|
|     | Nhập tên thiết bị<br>Chọn loại máy | Chọn chủng loại thiết bị<br>Chọn hãng thiết bị<br>Chọn dòng | Chọn vùng mạng triển khai | Nhập mục đích sử dụng |   |

Hình 28: Màn thêm mới thiết bị máy chủ trong HTTT

- “**Tên thiết bị**”: Nhập tên của thiết bị
- “**Loại máy**”: Chọn loại máy vật lý hoặc máy chủ ảo hóa
- “**Chủng loại**”: Chọn chủng loại thiết bị
- “**Hãng thiết bị**”: Chọn hãng thiết bị
- “**Model**”: Chọn dòng thiết bị theo hãng
- “**Vị trí triển khai**”: Nhập vị trí đặt thiết bị
- “**Mục đích sử dụng**”: Mục đích sử dụng của thiết bị

**Bước 3:** Chọn  để lưu thông tin thiết bị vừa nhập

**Bước 4:** Người dùng cũng có thể chọn  để sửa thông tin thiết bị, hoặc chọn  để xóa thiết bị khỏi danh sách

### Danh sách dịch vụ

**Mục đích:** Chức năng này giúp người dùng cập nhật danh sách các dịch vụ trong HTTT

### Thao tác:

**Bước 1:** Từ màn hình HSDXCD, tại mục 5.5 Danh mục các ứng dụng/dịch vụ cung cấp bởi hệ thống hiển thị danh sách ứng dụng cài đặt trên máy chủ trong HTTT

**Bước 2:** Danh sách dịch vụ hiển thị các dịch vụ, ứng dụng được sử dụng trong HTTT

| 5.5 Danh mục các ứng dụng/dịch vụ cung cấp bởi hệ thống |                  |              |                           |                   |                       |                       |   | Thêm dịch vụ |
|---|------------------|--------------|---------------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|---|--------------|
| STT   | Tên dịch vụ      | Máy chủ      | Ứng dụng cài đặt          | Vị trí triển khai | HDH                   | Mục đích sử dụng      | Thao tác  |              |
|   | Nhập tên dịch vụ | Chọn máy chủ | Nhập tên ứng dụng cài đặt |                   | Nhập tên hệ điều hành | Nhập mục đích sử dụng |   |              |

Hình 29: Màn danh sách dịch vụ thuộc HTTT

**Bước 3:** Người dùng có thể thêm mới các dịch vụ vào HTTT


| 5.5 Danh mục các ứng dụng/dịch vụ cung cấp bởi hệ thống |                  |                                      |                           |                   |                       |                       |   | Thêm dịch vụ |
|---|------------------|--------------------------------------|---------------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|---|--------------|
| STT   | Tên dịch vụ      | Máy chủ                              | Ứng dụng cài đặt          | Vị trí triển khai | HDH                   | Mục đích sử dụng      | Thao tác  |              |
|   | Nhập tên dịch vụ | Chọn máy chủ<br>Server03<br>Server02 | Nhập tên ứng dụng cài đặt |                   | Nhập tên hệ điều hành | Nhập mục đích sử dụng |   |              |



Hình 30: Màn thêm mới dịch vụ thuộc HTTT

- “**Tên dịch vụ**”: Nhập tên dịch vụ
- “**Máy chủ**”: Chọn loại máy chủ



- “**Ứng dụng cài đặt**”: Nhập tên ứng dụng cài đặt
- “**Vùng mạng**”: Chọn vùng mạng
- “**Hệ điều hành**”: Nhập tên hệ điều hành
- “**Mục đích sử dụng**”: Nhập mục đích sử dụng

**Bước 4** : Chọn  để lưu thông tin thiết bị vừa nhập

**Bước 5**: Người dùng cũng có thể chọn  để sửa thông tin thiết bị, hoặc chọn  để xóa dịch vụ khỏi danh sách

### Danh sách IP vùng mạng

**Mục đích:** Chức năng này giúp người dùng xem danh sách IP vùng mạng, tìm kiếm HTTT theo tên hoặc theo cấp độ HTTT

### Thao tác:



**Bước 1:** Từ màn hình HSDXCĐ, tại mục 5.6 Quy hoạch địa chỉ IP các vùng mạng trong hệ thống

**Bước 2:** Danh sách IP vùng mạng hiển thị các IP được sử dụng trong HTTT

| 5.6 Quy hoạch địa chỉ IP các vùng mạng trong hệ thống |                     |                |                | Thêm IP thành phần  |
|---|---------------------|----------------|----------------|---|
| STT   | Vùng mạng           | IP Private     | IP Public      | Thao tác  |
| 1   | Vùng DMZ            | 192.168.1.0/24 | 202.191.x.0/24 |   |
| 2   | Vùng quản trị       | 192.168.2.0/24 | 202.191.y.0/24 |   |
| 3   | Vùng máy chủ nội bộ | 192.168.3.0/24 | 202.191.z.0/24 |   |

Hình 31: Màn danh sách IP thuộc HTTT

**Bước 3:** Người dùng có thể chọn **Thêm IP thành phần** để mới IP của HTTT

| 5.6 Quy hoạch địa chỉ IP các vùng mạng trong hệ thống |                           |            |           | Thêm IP thành phần  |
|---|---------------------------|------------|-----------|---|
| STT   | Vùng mạng                 | IP Private | IP Public | Thao tác  |
|   | Chọn vùng mạng triển khai | IP Private | IP Public |   |

Hình 32: Màn thêm mới địa chỉ IP

- “**Vị trí triển khai**”: Nhập vị trí đặt thiết bị
- “**IP Public**”: IP công khai
- “**IP Private**”: IP bảo mật

**Bước 4:** Chọn nút **Lưu lại** để lưu lại danh sách thông tin IP đã cập nhật

### Danh mục máy trạm trong HTTT

**Mục đích:** Chức năng này giúp người dùng cập nhật danh sách các thiết bị máy trạm trong HTTT

### Thao tác:

**Bước 1:** Từ màn hình HSDXCĐ, tại mục 5.4.2 Danh mục thiết bị máy chủ sử dụng trong hệ thống hiển thị danh sách thiết bị máy chủ được sử dụng trong HTTT

| 5.7 Danh mục máy trạm trong hệ thống thông tin |          |      |          |           |            |          | Thêm máy trạm |
|--|----------|------|----------|-----------|------------|----------|---------------|
| STT  | Loại máy | Hãng | Số lượng | Vùng mạng | Cài đặt AV | Thao tác |               |


Hình 33: Màn danh sách thiết bị máy trạm trong HTTT



**Bước 2:** Người dùng có thể chọn thêm mới hoặc cập nhật các thiết bị trong HTTT

| STT | Loại máy      | Hãng               | Số lượng | Vùng mạng                 | Cài đặt AV | Thao tác  |
|-----|---------------|--------------------|----------|---------------------------|------------|---|
|     | Chọn loại máy | Chọn hãng thiết bị | Số lượng | Chọn vùng mạng triển khai | Av cài đặt |   |

Hình 34: Màn thêm mới thiết bị trong HTTT

- “**Loại máy**”: Chọn loại máy PC hoặc máy laptop
- “**Hãng thiết bị**”: Chọn hãng thiết bị
- “**Số lượng**”: Chọn số lượng thiết bị theo hãng
- “**Vùng mạng**”: Nhập vùng mạng sử dụng
- “**Cài đặt AV**”: Thông tin phần mềm AV cài đặt trên máy

**Bước 3:** Chọn  để lưu thông tin thiết bị vừa nhập




**Bước 4:** Người dùng cũng có thể chọn  để sửa thông tin thiết bị, hoặc chọn  để xóa thiết bị khỏi danh sách

### Danh mục hệ thống thông tin và cấp độ đề xuất

**Mục đích:** Chức năng này giúp người dùng cập nhật danh sách các hệ thống thành phần trong HTTT

#### Thao tác:

**Bước 1:** Từ màn hình HSDXCĐ, tại phần II mục 1 Danh mục hệ thống thông tin và cấp độ đề xuất hiển thị danh sách hệ thống thành phần trong HTTT

| 1. Danh mục hệ thống thông tin và cấp độ đề xuất |   |                |  |   |
|--|---|----------------|--|---|
| STT  | Hệ thống  | Cấp độ đề xuất | Căn cứ đề xuất   | Thao tác  |
| 1  | Hệ thống giám sát các sự cố an toàn mạng và hỗ trợ theo dõi, phân tích sự cố, tấn công an toàn thông tin mạng | 2              | Chọn căn cứ đề xuất theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP |    |
| <a href="#">+ Thêm</a>                           |   |                |  |   |


Hình 35: Màn danh sách hệ thống thành phần trong HTTT



**Bước 2:** Người dùng có thể chọn thêm mới hoặc cập nhật các hệ thống thành phần trong HTTT

Hình 36: Màn thêm mới hệ thống thành phần trong HTTT

Hình 37: Màn chọn căn cứ đề xuất theo cấp độ của HTTT

- “**Hệ thống thành phần**”: Nhập tên hệ thống thành phần
- “**Cấp độ đề xuất**”: Chọn cấp độ của hệ thống thành phần
- “**Căn cứ đề xuất**”: Chọn các căn cứ đề xuất

**Bước 3:** Chọn  để lưu thông tin thiết bị vừa nhập

**Bước 4:** Người dùng cũng có thể chọn  để sửa thông tin thiết bị, hoặc chọn  để xóa thiết bị khỏi danh sách

### Thuyết minh đề xuất cấp độ đối với hệ thống thông tin

**Mục đích:** Chức năng này giúp người dùng cập nhật danh sách các thuyết minh đề xuất cấp độ các hệ thống trong HTTT

#### Thao tác:

**Bước 1:** Từ màn hình HSĐXCĐ, tại phần II mục 2 Thuyết minh đề xuất cấp độ đối với HTTT hiển thị danh sách thuyết minh hệ thống thành phần trong HTTT


| STT | Hệ thống  | Thuyết minh cấp độ đối với HTTT |
|-----|---|---------------------------------|
| 1   | Hệ thống giám sát các sự cố an toàn mạng và hỗ trợ theo dõi, phân tích sự cố, tấn công an toàn thông tin mạng |                                 |

Hình 38: Màn danh sách thuyết minh hệ thống thành phần trong HTTT

**Bước 2:** Người dùng có thể cập nhật các thuyết minh hệ thống thành phần trong HTTT

| STT | Hệ thống  | Thuyết minh cấp độ đối với HTTT |
|-----|---|---------------------------------|
| 1   | Hệ thống giám sát các sự cố an toàn mạng và hỗ trợ theo dõi, phân tích sự cố, tấn công an toàn thông tin mạng |                                 |

Hình 39: Màn cập nhật thuyết minh hệ thống thành phần trong HTTT

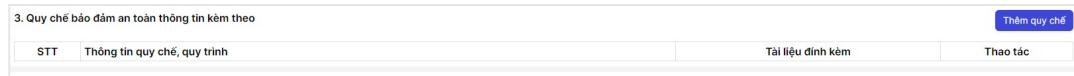
**Bước 3:** Chọn  để lưu thông tin thiết bị vừa nhập

### **Quy chế bảo đảm an toàn thông tin kèm theo**

**Mục đích:** Chức năng này giúp người dùng cập nhật danh sách các quy chế trong HTTT

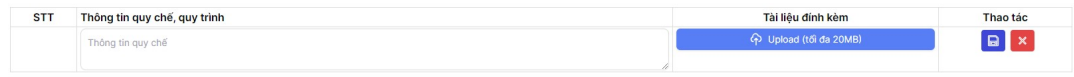
### **Thao tác:**

**Bước 1:** Từ màn hình HSDXCĐ, tại phần II mục 3 Danh mục quy chế đảm bảo ATTT trong HTTT



Hình 40: Màn danh sách quy chế trong HTTT


**Bước 2:** Người dùng có thể chọn thêm mới hoặc cập nhật các quy chế trong HTTT





Hình 41: Màn thêm mới quy chế trong HTTT

- “**Thông tin quy chế**”: Nhập tên thông tin quy chế hệ thống thông tin

- “**Tài liệu đính kèm**”: upload tài liệu liên quan

**Bước 3:** Chọn  để lưu thông tin vừa nhập

**Bước 4:** Người dùng cũng có thể chọn  để sửa thông tin, hoặc chọn  để xóa tài liệu khỏi danh sách

## **Phương án bảo đảm an toàn HTTT - Yêu cầu quản lý**

**Mục đích:** Người dùng cập nhật lại thông tin thuyết minh các phương án đảm bảo ATHTTT

### **Thao tác:**

**Bước 1:** Từ màn hình HSDXCĐ, tại phần III. Thuyết minh phương án bảo đảm an toàn HTTT, hiển thị mục Yêu cầu quản lý

| Yêu cầu quản lý (Đáp ứng 0/80)          |  |              |                            |              |                       |
|---|--|--------------|----------------------------|--------------|-----------------------|
| STT                                     | Tiêu chí   | Đáp ứng 0/80 | Tham chiếu TCVN 11930:2017 | Trạng thái   | Thuyết minh phương án |
| 2.2.2.                                  | Có đầu mối liên hệ, phối hợp với cơ quan trong công tác hỗ trợ điều phối xử lý sự cố ATTT  |              | Điểm b Mục 71.2.2          | Chưa đáp ứng |                       |
| 2.2.3.                                  | Tham gia các hoạt động, công tác bảo đảm ATTT khi có yêu cầu của tổ chức có thẩm quyền   |              | Điểm c Mục 71.2.2          | Chưa đáp ứng |                       |
| <b>Bảo đảm nguồn nhân lực</b>           |  |              |                            |              |                       |
| 11.4.                                   | Xây dựng chính sách ATTT gồm: - Quản lý an toàn mạng; - Quản lý an toàn máy chủ và ứng dụng; - Quản lý an toàn dữ liệu; - Quản lý an toàn thiết bị đầu cuối; - Quản lý phòng chống phần mềm độc hại; - Quản lý điểm yếu ATTT; - Quản lý giám sát ATHTTT; - Quản lý an toàn sử dụng đầu cuối. |              | Điểm d Mục 71.1.1          | Chưa đáp ứng |                       |
| <b>Tuyển dụng</b>                       |  |              |                            |              |                       |
| 3.1.1.                                  | Cán bộ được tuyển dụng vào vị trí làm về ATTT có trình độ, chuyên ngành về lĩnh vực CNTT, ATTT phù hợp với vị trí tuyển dụng   |              | Điểm a Mục 71.3.1          | Chưa đáp ứng |                       |
| 3.1.2.                                  | Có quy định, quy trình tuyển dụng cán bộ và điều kiện tuyển dụng cán bộ  |              | Điểm b Mục 71.3.1          | Chưa đáp ứng |                       |
| <b>Trong quá trình làm việc</b>         |  |              |                            |              |                       |
| 3.2.1.                                  | Có quy định về thực hiện nội quy, quy chế bảo đảm ATTT cho người sử dụng, cán bộ quản lý và vận hành hệ thống  |              | Điểm a Mục 71.3.2          | Chưa đáp ứng |                       |
| 3.2.2.                                  | Có kế hoạch và định kỳ hàng năm tổ chức phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức và ATTT cho người sử dụng  |              | Điểm b Mục 71.3.2          | Chưa đáp ứng |                       |
| 3.2.3.                                  | Có kế hoạch và định kỳ hàng năm tổ chức đào tạo các kỹ năng cơ bản về ATTT cho người sử dụng trong hệ thống  |              | Điểm c Mục 71.3.2          | Chưa đáp ứng |                       |
| <b>Chăm sóc hoặc thay đổi công việc</b> |  |              |                            |              |                       |
| 3.3.1.                                  | Cán bộ chấm dứt hoặc thay đổi công việc phải thông báo kịp thời truy cập, thông tin được lưu trên các phương tiện lưu trữ, trang thiết bị máy móc, phần cứng, phần mềm và các tài sản (nếu   |              | Điểm a Mục 71.3.3          | Chưa đáp ứng |                       |


Hình 42: Màn danh sách Yêu cầu quản lý Phương án đảm bảo an toàn HTTT

## Bước 2: Người dùng có thể cập nhật từng tiêu chí đáp ứng của HTTT

| Yêu cầu quản lý (Đáp ứng 0/80)  |  |              |                            |              |   | Ngày dự kiến | Chọn ngày dự kiến | Lưu | Hủy |
|---------------------------------|--|--------------|----------------------------|--------------|---|--------------|-------------------|-----|-----|
| STT                             | Tiêu chí   | Đáp ứng 0/80 | Tham chiếu TCVN 11930:2017 | Trạng thái   | Thuyết minh phương án   |              |                   |     |     |
| 2.2.1.                          | Có đầu mối liên hệ, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền quản lý về ATTT   |              | Điểm a Mục 71.2.2          | Chưa đáp ứng | Đối với tiêu chí Chưa đáp ứng, thuyết minh phương án xây dựng bổ sung, thời gian dự kiến ban hành |              |                   |     |     |
| 2.2.2.                          | Có đầu mối liên hệ, phối hợp với cơ quan trong công tác hỗ trợ điều phối xử lý sự cố ATTT  |              | Điểm b Mục 71.2.2          | Chưa đáp ứng | Đối với tiêu chí Chưa đáp ứng, thuyết minh phương án xây dựng bổ sung, thời gian dự kiến ban hành |              |                   |     |     |
| 2.2.3.                          | Tham gia các hoạt động, công tác bảo đảm ATTT khi có yêu cầu của tổ chức có thẩm quyền   |              | Điểm c Mục 71.2.2          | Chưa đáp ứng | Đối với tiêu chí Chưa đáp ứng, thuyết minh phương án xây dựng bổ sung, thời gian dự kiến ban hành |              |                   |     |     |
| <b>Bảo đảm nguồn nhân lực</b>   |  |              |                            |              |   |              |                   |     |     |
| 11.4.                           | Xây dựng chính sách ATTT gồm: - Quản lý an toàn mạng; - Quản lý an toàn máy chủ và ứng dụng; - Quản lý an toàn dữ liệu; - Quản lý an toàn thiết bị đầu cuối; - Quản lý phòng chống phần mềm độc hại; - Quản lý điểm yếu ATTT; - Quản lý giám sát ATHTTT; - Quản lý an toàn sử dụng đầu cuối. |              | Điểm d Mục 71.1.1          | Chưa đáp ứng | Đối với tiêu chí Chưa đáp ứng, thuyết minh phương án xây dựng bổ sung, thời gian dự kiến ban hành |              |                   |     |     |
| <b>Tuyển dụng</b>               |  |              |                            |              |   |              |                   |     |     |
| 3.1.1.                          | Cán bộ được tuyển dụng vào vị trí làm về ATTT có trình độ, chuyên ngành về lĩnh vực CNTT, ATTT phù hợp với vị trí tuyển dụng   |              | Điểm a Mục 71.3.1          | Chưa đáp ứng | Đối với tiêu chí Chưa đáp ứng, thuyết minh phương án xây dựng bổ sung, thời gian dự kiến ban hành |              |                   |     |     |
| 3.1.2.                          | Có quy định, quy trình tuyển dụng cán bộ và điều kiện tuyển dụng cán bộ  |              | Điểm b Mục 71.3.1          | Chưa đáp ứng | Đối với tiêu chí Chưa đáp ứng, thuyết minh phương án xây dựng bổ sung, thời gian dự kiến ban hành |              |                   |     |     |
| <b>Trong quá trình làm việc</b> |  |              |                            |              |   |              |                   |     |     |
| 3.2.1.                          | Có quy định về thực hiện nội quy, quy chế bảo đảm ATTT cho người sử dụng, cán bộ quản lý và vận hành hệ thống  |              | Điểm a Mục 71.3.2          | Chưa đáp ứng | Đối với tiêu chí Chưa đáp ứng, thuyết minh phương án xây dựng bổ sung, thời gian dự kiến ban hành |              |                   |     |     |
| 3.2.2.                          | Có kế hoạch và định kỳ hàng năm tổ chức phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức và ATTT cho người sử dụng  |              | Điểm b Mục 71.3.2          | Chưa đáp ứng | Đối với tiêu chí Chưa đáp ứng, thuyết minh phương án xây dựng bổ sung, thời gian dự kiến ban hành |              |                   |     |     |
| 3.2.3.                          | Có kế hoạch và định kỳ hàng năm tổ chức đào tạo các kỹ năng  |              | Điểm c Mục 71.3.2          | Chưa đáp ứng | Đối với tiêu chí Chưa đáp ứng, thuyết minh phương án xây dựng bổ sung, thời gian dự kiến ban hành |              |                   |     |     |

Hình 43: Màn cập nhật Phương án triển khai

- “**Trạng thái** ”: Chọn trạng thái đáp ứng tiêu chí
- “**Ngày dự kiến**”: Nếu chưa đáp ứng, chọn thời gian dự kiến
- “**Phương án**”: Ghi chú về thông tin phương án

**Bước 3:** Chọn nút  để lưu lại danh sách thông tin tiêu chí đã cập nhật

Phương án bảo đảm an toàn HTTT - Yêu cầu quản lý

**Mục đích:** Người dùng cập nhật lại thông tin thuyết minh các phương án đảm bảo ATHTTT

### **Thao tác:**

**Bước 1:** Từ màn hình HSDXCD, tại phần III. Thuyết minh phương án bảo đảm an toàn HTTT, hiển thị mục Yêu cầu kỹ thuật

| Yêu cầu kỹ thuật (Đáp ứng 0/99) |   |              |                               |              |                       |
|---------------------------------|---|--------------|-------------------------------|--------------|-----------------------|
| STT                             | Tiêu chí  | Đáp ứng 0/46 | Tham chiếu TCVN<br>11930:2017 | Trạng thái   | Thuyết minh phương án |
| <b>YÊU CẦU KỸ THUẬT</b>         |   |              |                               |              |                       |
| Bảo đảm an toàn mạng            |   |              |                               |              |                       |
| Thiết kế hệ thống               |   |              |                               |              |                       |
| 1.1.1.                          | Thiết kế các vùng mạng trong hệ thống theo chức năng: Vùng nội bộ;  |              | Điểm a Mục 7.2.1.1            | Chưa đáp ứng |                       |
| 1.1.1.                          | Thiết kế các vùng mạng trong hệ thống theo chức năng: Vùng biên;  |              | Điểm a Mục 7.2.1.1            | Chưa đáp ứng |                       |
| 1.1.1.                          | Thiết kế các vùng mạng trong hệ thống theo chức năng: Vùng DMZ;   |              | Điểm a Mục 7.2.1.1            | Chưa đáp ứng |                       |
| 1.1.1.                          | Thiết kế các vùng mạng trong hệ thống theo chức năng: Vùng máy chủ nội bộ   |              | Điểm a Mục 7.2.1.1            | Chưa đáp ứng |                       |
| 1.1.1.                          | Thiết kế các vùng mạng trong hệ thống theo chức năng: Vùng không dây (nếu có) tách riêng, độc lập với các vùng mạng khác; |              | Điểm a Mục 7.2.1.1            | Chưa đáp ứng |                       |
| 1.1.1.                          | Thiết kế các vùng mạng trong hệ thống theo chức năng: Vùng máy chủ cơ sở dữ liệu;   |              | Điểm a Mục 7.2.1.1            | Chưa đáp ứng |                       |
| 1.1.1.                          | Thiết kế các vùng mạng trong hệ thống theo chức năng: Vùng quản trị;  |              | Điểm a Mục 7.2.1.1            | Chưa đáp ứng |                       |
| 1.1.2.1.                        | Phương án quản lý truy cập, quản trị hệ thống từ xa an toàn   |              | Điểm b Mục 7.2.1.1            | Chưa đáp ứng |                       |
| 1.1.2.2.                        | Phương án quản lý truy cập giữa các vùng mạng và phòng chống xâm nhập   |              | Điểm b Mục 7.2.1.1            | Chưa đáp ứng |                       |
| 1.1.2.3.                        | Phương án cân bằng tải, dự phòng nóng cho các thiết bị mạng chính   |              | Điểm b Mục 7.2.1.1            | Chưa đáp ứng |                       |

Hình 44: Màn danh sách Yêu cầu kỹ thuật Phương án đảm bảo an toàn HTTT

**Bước 2:** Người dùng có thể cập nhật từng tiêu chí đáp ứng của HTTT

| Yêu cầu kỹ thuật (Đáp ứng 0/99) |   |              |                               |              |  |
|---------------------------------|---|--------------|-------------------------------|--------------|--|
| STT                             | Tiêu chí  | Đáp ứng 0/46 | Tham chiếu TCVN<br>11930:2017 | Trạng thái   | Thuyết minh phương án  |
| <b>YÊU CẦU KỸ THUẬT</b>         |   |              |                               |              |  |
| Bảo đảm an toàn mạng            |   |              |                               |              |  |
| Thiết kế hệ thống               |   |              |                               |              |  |
| 1.1.1.                          | Thiết kế các vùng mạng trong hệ thống theo chức năng: Vùng nội bộ;  |              | Điểm a Mục 7.2.1.1            | Chưa đáp ứng | Đổi với tiêu chí Chưa đáp ứng, thuyết minh phương án bổ sung và thời gian hoàn thiện |
| 1.1.1.                          | Thiết kế các vùng mạng trong hệ thống theo chức năng: Vùng biên;  |              | Điểm a Mục 7.2.1.1            | Chưa đáp ứng | Đổi với tiêu chí Chưa đáp ứng, thuyết minh phương án bổ sung và thời gian hoàn thiện |
| 1.1.1.                          | Thiết kế các vùng mạng trong hệ thống theo chức năng: Vùng DMZ;   |              | Điểm a Mục 7.2.1.1            | Chưa đáp ứng | Đổi với tiêu chí Chưa đáp ứng, thuyết minh phương án bổ sung và thời gian hoàn thiện |
| 1.1.1.                          | Thiết kế các vùng mạng trong hệ thống theo chức năng: Vùng máy chủ nội bộ   |              | Điểm a Mục 7.2.1.1            | Chưa đáp ứng | Đổi với tiêu chí Chưa đáp ứng, thuyết minh phương án bổ sung và thời gian hoàn thiện |
| 1.1.1.                          | Thiết kế các vùng mạng trong hệ thống theo chức năng: Vùng không dây (nếu có) tách riêng, độc lập với các vùng mạng khác; |              | Điểm a Mục 7.2.1.1            | Chưa đáp ứng | Đổi với tiêu chí Chưa đáp ứng, thuyết minh phương án bổ sung và thời gian hoàn thiện |
| 1.1.1.                          | Thiết kế các vùng mạng trong hệ thống theo chức năng: Vùng máy chủ cơ sở dữ liệu;   |              | Điểm a Mục 7.2.1.1            | Chưa đáp ứng | Đổi với tiêu chí Chưa đáp ứng, thuyết minh phương án bổ sung và thời gian hoàn thiện |
| 1.1.1.                          | Thiết kế các vùng mạng trong hệ thống theo chức năng: Vùng quản trị;  |              | Điểm a Mục 7.2.1.1            | Chưa đáp ứng | Đổi với tiêu chí Chưa đáp ứng, thuyết minh phương án bổ sung và thời gian hoàn thiện |
| 1.1.2.1.                        | Phương án quản lý truy cập, quản trị hệ thống từ xa an toàn   |              | Điểm b Mục 7.2.1.1            | Chưa đáp ứng | Đổi với tiêu chí Chưa đáp ứng, thuyết minh phương án bổ sung và thời gian hoàn thiện |

Hình 45: Màn cập nhật Phương án triển khai

- “**Trạng thái**”: Chọn trạng thái đáp ứng tiêu chí
- “**Ngày dự kiến**”: Nếu chưa đáp ứng, chọn thời gian dự kiến
- “**Phương án**”: Ghi chú về thông tin phương án

**Bước 3:** Chọn nút để lưu lại danh sách thông tin tiêu chí đã cập nhật

## g) Tài liệu - Hỏi đáp

### Tài liệu

**Mục đích:** Hiện thị danh sách tài liệu quy phạm pháp luật, tài liệu hướng dẫn

### Thao tác:

**Bước 1:** Từ menu trái chọn để chuyển đến màn “Tài liệu”

**Bước 2:** Màn “**Tài liệu**” hiển thị danh sách các tài liệu liên quan, được chia thành các nhóm: Văn bản quy phạm pháp luật, Hướng dẫn sử dụng, Hồ sơ đề xuất cấp độ, Biểu mẫu công văn

| Văn bản quy phạm pháp luật  |  |                           |
|---|--|---------------------------|
| Căn cứ  | Trích yếu  | Tải xuống                 |
| Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 26/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ                 | Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 26/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ  | <a href="#">Tải xuống</a> |
| Công văn số 1598/BTTTT-CATT ngày 28/4/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông | Công văn số 1598/BTTTT-CATT ngày 28/4/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông  | <a href="#">Tải xuống</a> |
| Công văn số 652/BTTTT-CATT ngày 28/02/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông | về việc hướng dẫn triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm về an toàn thông tin mạng trong năm 2023.   | <a href="#">Tải xuống</a> |
| Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12 tháng 8 năm 2022                       | Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ | <a href="#">Tải xuống</a> |
| Luật An toàn thông tin mạng   | Luật số 86/2015/QH13 ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Quốc hội  | <a href="#">Tải xuống</a> |
| Nghị định 85/2016/NĐ-CP   | Nghị định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ  | <a href="#">Tải xuống</a> |
| Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2022                               | Chỉ thị về phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia  | <a href="#">Tải xuống</a> |
| Công văn số 652/BTTTT-CATT  | Về việc hướng dẫn triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm về an toàn thông tin mạng trong năm 2023  | <a href="#">Tải xuống</a> |
| Hướng dẫn sử dụng   |  |                           |
| Căn cứ  | Trích yếu  | Tải xuống                 |
| Hồ sơ đề xuất cấp độ  |  |                           |
| Căn cứ  | Trích yếu  | Tải xuống                 |
| Mẫu Hồ sơ đề xuất cấp độ 1  | Tài liệu hướng dẫn xác định cấp độ và xây dựng Hồ sơ đề xuất cấp độ 1  | <a href="#">Tải xuống</a> |
| Mẫu Hồ sơ đề xuất cấp độ 2  | Tài liệu hướng dẫn xác định cấp độ và xây dựng Hồ sơ đề xuất cấp độ 2  | <a href="#">Tải xuống</a> |
| Mẫu Hồ sơ đề xuất cấp độ 3  | Tài liệu hướng dẫn xác định cấp độ và xây dựng Hồ sơ đề xuất cấp độ 3  | <a href="#">Tải xuống</a> |
| Tài liệu hướng dẫn xác định cấp độ và xây dựng Hồ sơ đề xuất cấp độ 4       | Tài liệu hướng dẫn xác định cấp độ và xây dựng Hồ sơ đề xuất cấp độ 4  | <a href="#">Tải xuống</a> |


Hình 46: Màn danh sách tài liệu công văn

**Bước 3:** Người dùng đơn vị có thể tải các tài liệu để tham khảo

## Hỏi đáp

**Mục đích:** Hiển thị danh sách các câu hỏi về các chủ đề liên quan trong hệ thống

### Thao tác:

**Bước 1:** Từ menu trái chọn  để chuyển đến màn “**Hỏi đáp theo chủ đề**”

Hình 47: Màn danh sách câu hỏi theo chủ đề

**Bước 2:** Người dùng đơn vị có thể lọc câu hỏi theo chủ đề hoặc tìm kiếm theo từ khóa

**Bước 3:** Để thêm mới “Tài khoản”, người dùng chọn **+ Tạo mới** ở phía bên phải.

Hình 48: Màn đăng ký câu hỏi

- “**Chủ đề**”: Chọn chủ đề cần hỏi
- “**Ẩn danh**”: Chọn nếu muốn hỏi ẩn danh
- “**Nội dung câu hỏi**” : Nhập vấn đề cần hỏi

**Bước 4:** Chọn **Gửi** để gửi thông tin câu hỏi lên hệ thống